

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ

**Quy định kỹ thuật về xác định đường địa giới hành chính,
cắm mốc địa giới và lập hồ sơ địa giới hành chính các cấp**

Thông tư số 48/2014/TT-BTNMT ngày 22 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về xác định đường địa giới hành chính, cắm mốc địa giới và lập hồ sơ địa giới hành chính các cấp, có hiệu lực thi hành từ ngày 03 tháng 11 năm 2014, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 25/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 48/2014/TT-BTNMT ngày 22 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về xác định đường địa giới hành chính, cắm mốc địa giới và lập hồ sơ địa giới hành chính các cấp, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 12/2002/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2002 của Chính phủ về hoạt động đo đạc và bản đồ;

Căn cứ Nghị định số 119/CP ngày 16 tháng 9 năm 1994 của Chính phủ ban hành quy định về việc quản lý, sử dụng hồ sơ địa giới, bản đồ địa giới và mốc địa giới hành chính các cấp;

Căn cứ Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam, Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư quy định kỹ thuật về xác định đường địa giới hành chính, cắm mốc địa giới và lập hồ sơ địa giới hành chính các cấp¹.

¹ Thông tư số 25/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 48/2014/TT-BTNMT ngày 22 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về xác định đường địa giới hành chính, cắm mốc địa giới và lập hồ sơ địa giới hành chính các cấp có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đo đạc và bản đồ ngày 14 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 43/2024/QH15, Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 58/2024/QH15;

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh²

Thông tư này quy định kỹ thuật về xác định đường địa giới đơn vị hành chính, cắm mốc địa giới đơn vị hành chính trên thực địa và lập hồ sơ địa giới đơn vị hành chính các cấp.

Điều 2. Đối tượng áp dụng³

Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc xác định đường địa giới đơn vị hành chính, cắm mốc địa giới đơn vị hành chính và lập hồ sơ địa giới đơn vị hành chính các cấp.

Điều 3. Giải thích từ ngữ⁴

1⁵. *Đường địa giới đơn vị hành chính* là đường ranh giới phân chia lãnh thổ các đơn vị hành chính theo phân cấp quản lý hành chính. Đường địa giới đơn

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ được sửa đổi, bổ sung bởi một số điều của Nghị định số 136/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021, Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 48/2014/TT-BTNMT ngày 22 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về xác định đường địa giới hành chính, cắm mốc địa giới và lập hồ sơ địa giới hành chính các cấp.”

² Cụm từ “địa giới hành chính” được thay thế bằng cụm từ “địa giới đơn vị hành chính” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Thông tư số 25/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 48/2014/TT-BTNMT ngày 22 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về xác định đường địa giới hành chính, cắm mốc địa giới và lập hồ sơ địa giới hành chính các cấp, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

³ Cụm từ “địa giới hành chính” được thay thế bằng cụm từ “địa giới đơn vị hành chính” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Thông tư số 25/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 48/2014/TT-BTNMT ngày 22 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về xác định đường địa giới hành chính, cắm mốc địa giới và lập hồ sơ địa giới hành chính các cấp, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

⁴ Cụm từ viết tắt “ĐGHC”, “địa giới hành chính” được thay thế bằng cụm từ “địa giới đơn vị hành chính” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Thông tư số 25/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 48/2014/TT-BTNMT ngày 22 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về xác định đường địa giới hành chính, cắm mốc địa giới và lập hồ sơ địa giới hành chính các cấp, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

⁵ Cụm từ “đường ĐGHC huyện, quận, thị xã thuộc tỉnh (sau đây gọi tắt là cấp huyện),” được bỏ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 2 Thông tư số 25/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 48/2014/TT-BTNMT ngày 22 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về xác định đường địa giới hành chính, cắm mốc địa giới và lập hồ sơ địa giới hành chính các cấp, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

vị hành chính các cấp bao gồm: đường địa giới đơn vị hành chính tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là cấp tỉnh), đường địa giới đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn (sau đây gọi tắt là cấp xã). Đường địa giới đơn vị hành chính các cấp được xác định trên cơ sở các mốc địa giới đơn vị hành chính và các điểm đặc trưng trên thực địa.

2⁶. *Mốc địa giới đơn vị hành chính* là dấu hiệu bằng vật thể dùng để đánh dấu đường địa giới đơn vị hành chính giữa các đơn vị hành chính với nhau. Mốc địa giới đơn vị hành chính các cấp bao gồm: mốc địa giới đơn vị hành chính cấp tỉnh, mốc địa giới đơn vị hành chính cấp xã.

3. *Điểm đặc trưng* là điểm địa vật dễ nhận biết trên thực địa được lựa chọn để phục vụ cho việc xác định và mô tả đường địa giới đơn vị hành chính.

4. *Bản đồ địa giới đơn vị hành chính gốc thực địa* là bản đồ được thành lập từ bản đồ in trên giấy thể hiện đường địa giới đơn vị hành chính, các vị trí cắm mốc và các điểm đặc trưng ở thực địa trên bản đồ nên có sự thống nhất và xác nhận của các địa phương có liên quan làm cơ sở cho việc thành lập bản đồ địa giới đơn vị hành chính cấp xã.

5. *Bản đồ nền* là bản đồ địa hình quốc gia được sử dụng để xác định đường địa giới, cắm mốc địa giới đơn vị hành chính, thành lập bản đồ địa giới đơn vị hành chính gốc thực địa.

6⁷. *Hồ sơ địa giới đơn vị hành chính* bao gồm tài liệu dạng giấy, dạng số thể hiện thông tin về việc thành lập, điều chỉnh đơn vị hành chính và các mốc địa giới, đường địa giới của đơn vị hành chính đó. Hồ sơ địa giới đơn vị hành chính bao gồm: hồ sơ địa giới đơn vị hành chính cấp tỉnh, hồ sơ địa giới đơn vị hành chính cấp xã.

Điều 4. Nội dung công việc xác định đường địa giới đơn vị hành chính, cắm mốc địa giới và lập hồ sơ địa giới đơn vị hành chính các cấp⁸

1. Công tác chuẩn bị.

2. Xác định đường địa giới đơn vị hành chính, vị trí cắm mốc và các điểm đặc trưng; lập bản đồ địa giới đơn vị hành chính gốc thực địa.

⁶ Cụm từ “mốc ĐGHC cấp huyện,” được bỏ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2 Thông tư số 25/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 48/2014/TT-BTNMT ngày 22 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về xác định đường địa giới hành chính, cắm mốc địa giới và lập hồ sơ địa giới hành chính các cấp, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

⁷ Cụm từ “hồ sơ địa giới hành chính cấp huyện,” được bỏ theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 2 Thông tư số 25/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 48/2014/TT-BTNMT ngày 22 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về xác định đường địa giới hành chính, cắm mốc địa giới và lập hồ sơ địa giới hành chính các cấp, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

⁸ Cụm từ viết tắt “ĐGHC”, “địa giới hành chính” được thay thế bằng cụm từ “địa giới đơn vị hành chính” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Thông tư số 25/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 48/2014/TT-BTNMT ngày 22 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về xác định đường địa giới hành chính, cắm mốc địa giới và lập hồ sơ địa giới hành chính các cấp, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025

3. Lập bản mô tả đường địa giới đơn vị hành chính các cấp.
4. Cắm mốc địa giới đơn vị hành chính.
5. Thành lập bản đồ địa giới đơn vị hành chính các cấp.
- 6⁹. Lập hồ sơ địa giới đơn vị hành chính các cấp; chỉnh lý, bổ sung hồ sơ địa giới đơn vị hành chính các cấp.
- 7¹⁰. Kiểm tra chất lượng sản phẩm.

Chương II

QUY ĐỊNH KỸ THUẬT

Điều 5. Công tác chuẩn bị¹¹

1. Thu thập, nghiên cứu, phân tích, đánh giá các văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về địa giới đơn vị hành chính các cấp, hồ sơ địa giới đơn vị hành chính của các đơn vị hành chính có liên quan, bản đồ địa hình quốc gia, bản đồ địa chính và các tài liệu, dữ liệu khác có liên quan.

2. Khảo sát thực địa đánh giá hiện trạng đơn vị hành chính các cấp.

Điều 6. Xác định đường địa giới đơn vị hành chính, vị trí cắm mốc địa giới đơn vị hành chính và các điểm đặc trưng; lập bản đồ địa giới đơn vị hành chính gốc thực địa¹²

1. Trên cơ sở các văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về địa giới đơn vị hành chính, tiến hành chuyển vẽ đường địa giới đơn vị hành chính lên bản đồ nền. Đường địa giới đơn vị hành chính các cấp phải được biểu thị đầy đủ, chính xác trên bản đồ nền. Trường hợp đường địa giới đơn vị hành chính các cấp trùng nhau thì chỉ thể hiện đường địa giới đơn vị hành chính cấp cao hơn. Trường hợp đường địa giới đơn vị hành chính các cấp trùng với đường biên giới

⁹ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 25/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 48/2014/TT-BTNMT ngày 22 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về xác định đường địa giới hành chính, cắm mốc địa giới và lập hồ sơ địa giới hành chính các cấp, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

¹⁰ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 25/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 48/2014/TT-BTNMT ngày 22 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về xác định đường địa giới hành chính, cắm mốc địa giới và lập hồ sơ địa giới hành chính các cấp, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

¹¹ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 25/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 48/2014/TT-BTNMT ngày 22 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về xác định đường địa giới hành chính, cắm mốc địa giới và lập hồ sơ địa giới hành chính các cấp, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

¹² Cụm từ viết tắt “ĐGHC”, “địa giới hành chính” được thay thế bằng cụm từ “địa giới đơn vị hành chính” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Thông tư số 25/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 48/2014/TT-BTNMT ngày 22 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về xác định đường địa giới hành chính, cắm mốc địa giới và lập hồ sơ địa giới hành chính các cấp, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

quốc gia thì thể hiện theo đường biên giới quốc gia. Sau khi chuyển vẽ xong đường địa giới đơn vị hành chính phải thiết kế sơ bộ vị trí cắm mốc địa giới đơn vị hành chính và các điểm đặc trưng trên bản đồ nền.

2. Xác định đường địa giới đơn vị hành chính, vị trí cắm mốc địa giới đơn vị hành chính và các điểm đặc trưng.

2.1. Xác định đường địa giới đơn vị hành chính được thực hiện theo nguyên tắc sau:

a) Đo đạc, xác định đường địa giới đơn vị hành chính ở thực địa trên cơ sở thiết kế sơ bộ và sự thống nhất của các địa phương có liên quan;

b) Trong phạm vi 2cm trên bản đồ về mỗi bên của đường địa giới đơn vị hành chính cần đo vẽ bổ sung các yếu tố địa lý mới xuất hiện và xóa bỏ trên bản đồ nền các nội dung không tồn tại trên thực địa. Những yếu tố địa lý được chọn làm vật chuẩn để xác định vị trí các mốc địa giới đơn vị hành chính và những yếu tố địa lý có ý nghĩa định hướng được dùng để mô tả đường địa giới đơn vị hành chính chưa có trên bản đồ nền đều phải được đo vẽ bổ sung đầy đủ. Các đối tượng hình tuyến phải vẽ đến điểm ngoặt gần nhất, kể cả trường hợp ngoài phạm vi 2cm dọc theo đường địa giới. Việc đo vẽ bổ sung phải tuân thủ theo các quy định về thành lập bản đồ địa hình hiện hành ở tỷ lệ tương ứng;

c) Độ chính xác của đường địa giới đơn vị hành chính phải đảm bảo độ chính xác của bản đồ nền ở tỷ lệ tương ứng.

2.2. Xác định vị trí cắm mốc địa giới đơn vị hành chính trên bản đồ và thực địa được thực hiện theo nguyên tắc sau:

a) Mốc địa giới đơn vị hành chính phải được xác định tại vị trí giao nhau của đường địa giới đơn vị hành chính và ở những vị trí dễ phát sinh tranh chấp sau này. Khi không chọn được vị trí cắm mốc nằm đúng trên đường địa giới đơn vị hành chính thì được phép chọn ở vị trí thuận lợi, ổn định lâu dài và gần đường địa giới đơn vị hành chính nhất. Vị trí cắm mốc phải được các địa phương có liên quan thống nhất và đánh dấu ở thực địa bằng cọc gỗ. Trường hợp vị trí giao nhau của đường địa giới đơn vị hành chính các cấp là đỉnh núi hoặc trên sông, suối, hồ, biển thì không cần xác định vị trí cắm mốc;

b) Số lượng vị trí cắm mốc, loại mốc địa giới đơn vị hành chính cần phải cắm do Ủy ban nhân dân các cấp có liên quan đến đường địa giới thống nhất quyết định;

c¹³) Số hiệu mốc địa giới đơn vị hành chính trên mỗi tuyến địa giới đơn vị hành chính do các địa phương liên quan thỏa thuận, đánh số theo thứ tự từ 1 đến hết hoặc tiếp theo số thứ tự mốc đã có, trên nguyên tắc không có số trùng nhau, bao gồm những thành phần theo trình tự sau:

¹³ Tiết này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 1 Thông tư số 25/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 48/2014/TT-BTNMT ngày 22 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về xác định đường địa giới hành chính, cắm mốc địa giới và lập hồ sơ địa giới hành chính các cấp, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

- Tên các địa phương viết tắt để trong ngoặc đơn, có gạch nối giữa các tên viết tắt của đơn vị hành chính quản lý trực tiếp mốc.

- Số lượng các đơn vị hành chính quản lý trực tiếp mốc.

- Chữ viết tắt của cấp mốc đơn vị hành chính ghi tiếp ngay sau số lượng đơn vị hành chính trực tiếp quản lý mốc: cấp tỉnh là T, cấp xã là X.

Ví dụ: Mốc địa giới đơn vị hành chính giữa xã Sìn Hồ, xã Hồng Thu, xã Nậm Tăm, tỉnh Lai Châu khi mốc được cắm đúng trên đường địa giới đơn vị hành chính có số hiệu là (SH-HT-NT)3X.1.

2.3. Xác định vị trí điểm đặc trưng trên đường địa giới đơn vị hành chính được thực hiện theo nguyên tắc sau:

a) Điểm đặc trưng trên đường địa giới đơn vị hành chính cấp xã là các điểm ngoặt, vị trí giao nhau của đường địa giới đơn vị hành chính cấp xã không cắm mốc. Điểm đặc trưng trên đường địa giới đơn vị hành chính cấp xã được đánh số liên tục từ 1 đến hết, chiều đánh số do các đơn vị hành chính liên kề thống nhất;

b¹⁴) (*được bãi bỏ*)

c¹⁵) Điểm đặc trưng trên đường địa giới đơn vị hành chính cấp tỉnh là các mốc địa giới đơn vị hành chính cấp xã nằm trên đường địa giới đơn vị hành chính cấp tỉnh và vị trí giao nhau của các đường địa giới đơn vị hành chính cấp xã với đường địa giới đơn vị hành chính cấp tỉnh không cắm mốc. Số hiệu điểm đặc trưng trên đường địa giới đơn vị hành chính cấp tỉnh là chữ viết tắt của tên các đơn vị hành chính cấp xã hoặc cấp tỉnh có liên quan.

Ví dụ: Điểm đặc trưng trên đường địa giới đơn vị hành chính cấp tỉnh giữa tỉnh Lai Châu và tỉnh Điện Biên nằm tại vị trí ngã ba địa giới giữa xã Mù Cỏ, Tà Tổng, tỉnh Lai Châu và xã Hồ Thầu, tỉnh Điện Biên có số hiệu là (MC-TT-HT).

2.4. Lập sơ đồ thuyết minh

a) Sơ đồ thuyết minh chỉ lập đối với khu vực đô thị, dân cư đông đúc khi bản đồ địa giới đơn vị hành chính không thể hiện được vị trí của đường địa giới đơn vị hành chính. Tỷ lệ của sơ đồ thuyết minh, phạm vi lập sơ đồ thuyết minh cho toàn bộ đường địa giới đơn vị hành chính của đơn vị hành chính, lập riêng cho từng tuyến hoặc từng đoạn địa giới tùy theo mức độ cần thiết do các đơn vị hành chính liên kề thống nhất quyết định;

¹⁴ Tiết này được bãi bỏ theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 2 Thông tư số 25/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 48/2014/TT-BTNMT ngày 22 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về xác định đường địa giới hành chính, cắm mốc địa giới và lập hồ sơ địa giới hành chính các cấp, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

¹⁵ Tiết này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 1 Thông tư số 25/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 48/2014/TT-BTNMT ngày 22 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về xác định đường địa giới hành chính, cắm mốc địa giới và lập hồ sơ địa giới hành chính các cấp, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

b) Tài liệu sử dụng để lập sơ đồ thuyết minh địa giới đơn vị hành chính là bản đồ địa hình mới nhất có tỷ lệ lớn hơn tỷ lệ bản đồ địa giới đơn vị hành chính cấp xã hoặc bản đồ địa chính mới nhất có trong khu vực. Trường hợp khu vực không có bất kỳ một loại tài liệu nào thì phải tiến hành đo vẽ sơ đồ thuyết minh tại thực địa. Sơ đồ thuyết minh địa giới đơn vị hành chính có kích thước bằng kích thước của tờ bản đồ nền địa hình và được trình bày theo mẫu quy định tại Mẫu số 11 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

2.5. Toàn bộ kết quả của quá trình xác định đường địa giới đơn vị hành chính, vị trí cắm mốc địa giới đơn vị hành chính và các điểm đặc trưng được thể hiện trên bản đồ địa giới đơn vị hành chính gốc thực địa.

3. Quy định thành lập bản đồ địa giới đơn vị hành chính gốc thực địa

Trên bản đồ nền địa giới đơn vị hành chính cấp xã đã in trên giấy, những nội dung mới xuất hiện, chỉnh sửa hoặc xóa bỏ phải được chỉ dẫn chi tiết bằng các ký hiệu thống nhất, cụ thể như sau:

3.1. Trong phạm vi 2cm về mỗi bên đường địa giới đơn vị hành chính, đo đạc bổ sung các yếu tố địa lý mới xuất hiện và đưa lên bản đồ bằng các ký hiệu tương tự bộ ký hiệu dạng số nhưng phải phân biệt được với nội dung cũ hiện có trên bản đồ. Trong một số trường hợp, yếu tố địa lý bổ sung ở dạng đường hoặc vùng được phép vẽ chòem ra ngoài phạm vi trên nhằm theo dõi được một cách liên tục.

3.2. Kết quả đo vẽ bổ sung phải được tu chỉnh ngay sau khi đo đạc tại thực địa. Kết quả phải được trình bày một cách cẩn thận, rõ ràng bằng việc sử dụng loại bút có lực nét nhỏ, không nhòe, hạn chế sửa chữa, gạch xóa tùy tiện và kẻ tay. Phía nam của tờ bản đồ địa giới đơn vị hành chính gốc thực địa phải ghi rõ các thông tin: người đo vẽ, ngày đo vẽ, người kiểm tra, tu chỉnh, ngày kiểm tra, tu chỉnh.

3.3. Nội dung đo vẽ bổ sung, chỉnh sửa bản đồ địa giới đơn vị hành chính gốc thực địa bao gồm:

a) Các yếu tố địa danh mới xuất hiện chưa có trên bản đồ hoặc sai lệch phải bổ sung hoặc chỉnh sửa theo nguyên tắc về phiên chuyển địa danh do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành. Trường hợp trên bản đồ không đủ chỗ điền viết, được phép bổ sung trên các sổ tay để chuyển cho khâu nội nghiệp;

b) Khu vực xâm canh, xâm cư phải bổ sung toàn bộ kể cả ở ngoài khu vực 2cm về mỗi bên đường địa giới đơn vị hành chính;

c) Khu vực cấm không thể điều tra đo vẽ bổ sung thì thể hiện đường khoanh bao và ghi chú “khu cấm”;

d) Sông, suối, kênh, mương liên quan đến việc xác định đường địa giới đơn vị hành chính phải được đo đạc bổ sung đầy đủ kể cả trường hợp sông, suối, kênh, mương ngắn hơn 2cm trên tỷ lệ bản đồ và độ rộng dưới 1m. Đảo, đá, bãi cạn, bãi ngầm cũng phải bổ sung đầy đủ và ghi rõ thuộc đơn vị hành chính nào;

đ) Đối với khu vực dân cư đô thị hoặc nơi địa vật dày đặc, việc đo đạc chỉnh lý bổ sung các yếu tố địa lý phục vụ việc xác định địa giới đơn vị hành chính ngoài việc tuân thủ theo quy định của bản đồ nền còn phải thực hiện theo các quy định sau:

- Đường địa giới đơn vị hành chính đi theo đường phố, ngõ thì đường phố, ngõ phải vẽ theo tỷ lệ bản đồ địa hình.

- Tại những nơi cần thông tin để mô tả đường địa giới đơn vị hành chính, các yếu tố địa lý bao gồm: nhà hai bên đường, ranh giới tường rào, các công trình văn hóa, điểm phương vị, điểm đặc trưng và các yếu tố địa lý liên quan khác phải đo vẽ theo tỷ lệ. Trường hợp còn lại được phép vẽ gộp khối hoặc tổng quát hóa, biểu thị nửa tỷ lệ hoặc phi tỷ lệ theo quy định của bản đồ địa hình.

- Trường hợp mật độ yếu tố địa lý quá dày, không cho phép thể hiện trên bản đồ gốc thực địa ở tỷ lệ đã thiết kế ban đầu, cho phép thu nhỏ ký hiệu hoặc tạo thêm bản trích đo trong trường hợp cần thiết.

e) Trên bản đồ nền, gạch bỏ các đối tượng địa vật, các địa danh không còn tồn tại bằng ký hiệu gạch chéo “X” màu đỏ phủ hết đối tượng. Khi đối tượng cần gạch bỏ có dạng hình tuyến, dùng các dấu gạch chéo cách nhau 1 cm để đánh dấu gạch bỏ, đặc biệt chú ý phải chỉ rõ điểm đầu, điểm cuối của đoạn cần gạch bỏ. Trường hợp cần thay thế bằng đoạn mới, phải dùng mực khác màu để dễ nhận biết;

g) Xác định vị trí Ủy ban nhân dân và biểu thị bằng chữ “UB” có gạch chân màu đỏ.

3.4. Các kết quả đo vẽ bổ sung, các điểm khống chế đo vẽ (nếu có) ngoài việc thể hiện trên bản đồ địa giới đơn vị hành chính gốc thực địa phải được đưa lên bản vẽ dạng số.

Điều 7. Lập bản mô tả đường địa giới đơn vị hành chính các cấp¹⁶

1. Quy định chung về mô tả đường địa giới đơn vị hành chính các cấp

1.1¹⁷. Mô tả đường địa giới đơn vị hành chính được lập cho tất cả các tuyến địa giới đơn vị hành chính và khép kín theo đơn vị hành chính. Đối với những đơn vị hành chính có đường biên giới quốc gia thì đường địa giới đơn vị hành chính phải được mô tả đến đường biên giới quốc gia. Đối với những đơn vị hành chính có đường bờ biển thì đường địa giới đơn vị hành chính cấp xã phải

¹⁶ Cụm từ viết tắt “ĐGHCH”, “địa giới hành chính” được thay thế bằng cụm từ “địa giới đơn vị hành chính” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Thông tư số 25/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 48/2014/TT-BTNMT ngày 22 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về xác định đường địa giới hành chính, cắm mốc địa giới và lập hồ sơ địa giới hành chính các cấp, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

¹⁷ Cụm từ “đường ĐGHCH cấp xã trùng với đường ĐGHCH cấp huyện hoặc” được bỏ theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 2 Thông tư số 25/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 48/2014/TT-BTNMT ngày 22 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về xác định đường địa giới hành chính, cắm mốc địa giới và lập hồ sơ địa giới hành chính các cấp, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

được mô tả đến đường bờ nước, trường hợp đường địa giới đơn vị hành chính cấp xã trùng với đường địa giới đơn vị hành chính cấp tỉnh thì đường địa giới đơn vị hành chính cấp xã phải được mô tả tiếp đến đường cơ sở.

1.2¹⁸. Khi mô tả đường địa giới đơn vị hành chính cấp xã phải lập biên bản xác nhận mô tả đường địa giới đơn vị hành chính cấp xã có xác nhận của các địa phương liên quan. Bản xác nhận mô tả đường địa giới đơn vị hành chính cấp tỉnh được thực hiện trên cơ sở biên tập, tổng hợp nội dung từ các biên bản xác nhận mô tả đường địa giới đơn vị hành chính cấp xã.

1.3. Số liệu trong bản mô tả phải phù hợp với bản đồ hoặc sơ đồ thuyết minh (nếu có).

1.4. Mỗi tuyến địa giới đơn vị hành chính có thể mô tả liên tục theo toàn tuyến hoặc chia thành một số đoạn. Nội dung mô tả bao gồm:

- a) Hiện trạng đường địa giới đơn vị hành chính trên thực địa;
- b) Vị trí và khoảng cách giữa các mốc địa giới đơn vị hành chính, các điểm đặc trưng đã được xác định trên thực địa;
- c) Không mô tả những yếu tố địa lý không có trên bản đồ.

1.5. Trường hợp tuyến địa giới đơn vị hành chính chưa có sự thống nhất giữa các địa phương liên quan, trong mô tả phải nêu rõ thực trạng và ý kiến đề xuất giải quyết theo quan điểm của mỗi bên.

1.6. Phương pháp mô tả

- a) Sử dụng lời văn rõ ràng để diễn đạt chính xác vị trí của đường địa giới đơn vị hành chính trên thực địa một cách tuần tự theo hướng đã chọn;
- b) Việc mô tả đoạn địa giới đơn vị hành chính phải dựa theo các yếu tố địa lý tồn tại ổn định trên thực địa mà đường địa giới đơn vị hành chính đi qua hoặc được dùng làm căn cứ để xác định;
- c) Trường hợp đặc biệt khi đường địa giới đơn vị hành chính đi theo các yếu tố địa lý có khả năng biến động như sông, suối, đường giao thông... thì trong biên bản xác nhận mô tả phải nêu rõ ý kiến thống nhất giữa các đơn vị hành chính liên kề về biện pháp xử lý.

1.7. Lập bản mô tả tình hình chung về địa giới đơn vị hành chính các cấp

Sau khi lập bản mô tả đường địa giới đơn vị hành chính các cấp phải lập bản mô tả tình hình chung về địa giới đơn vị hành chính. Trong bản mô tả tình hình chung về địa giới đơn vị hành chính mỗi cấp phải nêu khái quát hiện trạng công tác quản lý địa giới đơn vị hành chính, các quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về địa giới đơn vị hành chính, diện tích tự nhiên và dân số

¹⁸ Cụm từ “cấp huyện,” được bỏ theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 2 Thông tư số 25/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 48/2014/TT-BTNMT ngày 22 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về xác định đường địa giới hành chính, cắm mốc địa giới và lập hồ sơ địa giới hành chính các cấp, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

của đơn vị hành chính. Bản mô tả tình hình chung về địa giới đơn vị hành chính lập theo mẫu quy định tại các Mẫu số 14a, Mẫu số 14b Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Quy định lập biên bản xác nhận bản mô tả đường địa giới đơn vị hành chính cấp xã

2.1. Biên bản xác nhận mô tả đường địa giới đơn vị hành chính cấp xã phải thể hiện rõ những nội dung sau:

- a) Số hiệu tờ bản đồ có đường địa giới đơn vị hành chính;
- b) Sơ đồ thuyết minh địa giới đơn vị hành chính kèm theo (nếu có);
- c¹⁹) Các đoạn địa giới đơn vị hành chính cấp tỉnh trùng với tuyến địa giới đơn vị hành chính cấp xã;
- d) Điểm khởi đầu và điểm kết thúc của tuyến địa giới đơn vị hành chính cấp xã;
- đ) Số lượng mốc địa giới đơn vị hành chính các cấp và các điểm đặc trưng;
- e) Số đoạn địa giới đơn vị hành chính, chiều dài và phương pháp đo, hướng đi của mỗi đoạn.

2.2. Biên bản xác nhận mô tả đường địa giới đơn vị hành chính cấp xã lập theo mẫu quy định tại Mẫu số 12 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

3²⁰. Quy định lập bản xác nhận mô tả đường địa giới đơn vị hành chính cấp tỉnh

- a) Bản xác nhận mô tả đường địa giới đơn vị hành chính cấp tỉnh được lập theo từng tuyến địa giới đơn vị hành chính bắt đầu từ điểm giao nhau của đường địa giới đơn vị hành chính cấp tỉnh;
- b) Bản xác nhận mô tả đường địa giới đơn vị hành chính cấp tỉnh được biên tập, tổng hợp nội dung từ bản xác nhận mô tả đường địa giới đơn vị hành chính cấp xã trùng cấp tỉnh;
- c) Bản xác nhận mô tả đường địa giới đơn vị hành chính cấp tỉnh phải thể hiện rõ những nội dung sau:
 - Số hiệu tờ bản đồ có đường địa giới đơn vị hành chính;

¹⁹ Cụm từ “cấp huyện,” được bỏ theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 2 Thông tư số 25/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 48/2014/TT-BTNMT ngày 22 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về xác định đường địa giới hành chính, cắm mốc địa giới và lập hồ sơ địa giới hành chính các cấp, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

²⁰ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Thông tư số 25/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 48/2014/TT-BTNMT ngày 22 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về xác định đường địa giới hành chính, cắm mốc địa giới và lập hồ sơ địa giới hành chính các cấp, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

- Các đoạn địa giới đơn vị hành chính cấp tỉnh trùng với tuyến địa giới đơn vị hành chính cấp xã;
- Điểm khởi đầu và điểm kết thúc của tuyến địa giới đơn vị hành chính cấp tỉnh;
- Số lượng mốc địa giới đơn vị hành chính và các điểm đặc trưng trên đường địa giới đơn vị hành chính cấp tỉnh;
- Số đoạn địa giới đơn vị hành chính, chiều dài, hướng đi của mỗi đoạn.

Điều 8. Cắm mốc địa giới đơn vị hành chính²¹

1. Quy cách mốc địa giới đơn vị hành chính

Mốc địa giới đơn vị hành chính được chia thành 2 cấp: xã, tỉnh²² và được sử dụng phù hợp cho từng cấp hành chính tương ứng. Tùy theo điều kiện địa hình cụ thể để thiết kế và triển khai lựa chọn một trong ba loại mốc sau đây:

1.1. Mốc chôn: sử dụng cho tất cả các vùng, mốc được đúc bằng bê tông cốt sắt, đạt mác M25 (39 TCVN 6025 1995) trở lên. Mốc có lõi sắt Φ8 dài 15cm phía trên có dấu chữ thập làm tâm mốc. Mốc có thể được đúc sẵn rồi chôn hoặc đổ trực tiếp tại thực địa. Quy cách mốc chôn được quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

1.2. Mốc gắn: sử dụng trong trường hợp vị trí cắm mốc được chọn trên nền đá. Mốc có kích thước bề mặt 30cm x 30cm, có chiều cao tối thiểu 20cm so với mặt đá và được trát phẳng các mặt. Mốc được đúc bằng bê tông cốt sắt, đạt mác M25 trở lên. Mốc có lõi sắt Φ8 dài 15cm phía trên có dấu chữ thập làm tâm mốc.

1.3. Mốc chôn ngang bằng mặt hè phố, đường giao thông: Được sử dụng trong trường hợp vị trí cắm mốc được chọn là hè phố hoặc đường giao thông. Mốc có kích thước bề mặt là 40cm x 40cm, có chiều cao 40cm. Mốc được đúc bằng bê tông cốt sắt, đạt mác M25 trở lên. Mốc có lõi sắt 08 dài 15cm phía trên có dấu chữ thập làm tâm mốc ngang bằng mặt mốc.

1.4. Ghi chú trên mặt mốc

a²³. Đối với mốc chôn ghi chú thành 3 hàng được viết bằng chữ in hoa:

²¹ Cụm từ viết tắt “ĐGHC”, “địa giới hành chính” được thay thế bằng cụm từ “địa giới đơn vị hành chính” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Thông tư số 25/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 48/2014/TT-BTNMT ngày 22 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về xác định đường địa giới hành chính, cắm mốc địa giới và lập hồ sơ địa giới hành chính các cấp, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

²² Cụm từ “Mốc ĐGHC được chia thành 3 cấp: xã, huyện, tỉnh” được thay thế bằng cụm từ “Mốc địa giới đơn vị hành chính được chia thành 2 cấp: xã, tỉnh” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 Thông tư số 25/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 48/2014/TT-BTNMT ngày 22 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về xác định đường địa giới hành chính, cắm mốc địa giới và lập hồ sơ địa giới hành chính các cấp, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

²³ Từ “huyện” được bỏ theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 2 Thông tư số 25/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 48/2014/TT-BTNMT ngày 22 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Hàng trên: “ĐỊA GIỚI TỈNH” (XÃ) hoặc có thể viết tắt chữ địa giới Đ.G.

- Hàng giữa: Tên đơn vị hành chính.

- Hàng dưới: số đầu là số đơn vị hành chính cùng chung mốc, sau đó là chữ ‘T’, ‘H’ hoặc ‘X’ tương ứng với mốc cấp tỉnh hoặc xã, tiếp theo là dấu chấm và số thứ tự của mốc.

- Các ghi chú trên mặt mốc phải khắc chìm sâu khoảng 0,5 cm. Các chữ, số có kích thước cao 3cm, rộng 2cm; nét chữ khoảng 0,5cm. Hàng chữ trên cùng cách mép trên khoảng 5cm - 6cm, giãn cách giữa các hàng chữ khoảng 2,5cm - 3,0cm.

b) Mốc gắn trên nền đá và mốc chôn ngang bằng mặt hè phố, đường giao thông:

- Trên mặt mốc, cách mép trên 5cm là dòng chữ “MỐC ĐỊA GIỚI” cao 6cm, rộng 3cm. Ở giữa là vòng tròn, trong đó phía trên ghi số hiệu mốc, phía dưới là chữ số khoảng cách đến điểm giao nhau của đường địa giới đơn vị hành chính các cấp. Phía ngoài vòng tròn là phạm vi của các đơn vị hành chính và mũi tên chỉ hướng đến điểm giao nhau của đường địa giới đơn vị hành chính các cấp. Kích thước các chữ, số là cao 4cm và rộng 2cm. Các ghi chú, chữ và số đều khắc chìm, nét chữ khoảng 0,5cm.

Chi tiết các ghi chú trên mặt mốc xem tại Mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Cắm mốc địa giới đơn vị hành chính

2.1. Mốc địa giới đơn vị hành chính các cấp phải được cắm tại vị trí đã được các đơn vị hành chính liên kề thống nhất lựa chọn và xác nhận pháp lý. Mặt mốc có ghi tên của đơn vị hành chính nào thì hướng mặt mốc về phía đơn vị hành chính đó.

2.2. Khi cắm mốc địa giới đơn vị hành chính phải có sự chứng kiến của đại diện cơ quan hành chính nhà nước các đơn vị hành chính liên kề và đại diện cơ quan hành chính nhà nước cấp cao hơn chứng kiến. Khi cắm mốc địa giới đơn vị hành chính cấp tỉnh phải có đại diện cơ quan hành chính nhà nước của các đơn vị hành chính liên kề chứng kiến.

2.3. Sau khi cắm mốc địa giới đơn vị hành chính phải lập bản xác nhận sơ đồ vị trí mốc địa giới đơn vị hành chính. Khi vẽ sơ đồ vị trí mốc địa giới đơn vị hành chính phải chọn ít nhất ba (03) địa vật ổn định lâu dài làm vật chuẩn để có khả năng khôi phục lại vị trí của mốc trong trường hợp bị mất hoặc bị phá hủy sau này. Các số liệu đo từ mốc đến vật chuẩn đối với góc phương vị lấy đến chẵn giây và khoảng cách lấy đến 0,1 m; Bản xác nhận sơ đồ vị trí mốc địa giới đơn vị hành chính được thực hiện theo mẫu quy định tại Mẫu số 03a, Mẫu số 03b Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

2.4. Sau khi hoàn thành việc cắm mốc địa giới đơn vị hành chính, phải bàn giao mốc địa giới đơn vị hành chính các cấp cho các đơn vị hành chính trực tiếp quản lý mốc và lập biên bản bàn giao theo mẫu quy định tại Mẫu số 07 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Đo tọa độ, độ cao mốc địa giới đơn vị hành chính cấp xã

3.1. Tọa độ, độ cao của mốc địa giới đơn vị hành chính cấp xã được đo trực tiếp ở thực địa bằng các thiết bị đo đạc thông dụng như máy thu GPS, máy toàn đạc điện tử. Các điểm khống chế tọa độ, độ cao dùng để khởi tính là các điểm tọa độ, độ cao nhà nước có trong khu đo. Trường hợp sử dụng công nghệ GPS, tùy theo khoảng cách từ các điểm khống chế đến mốc địa giới đơn vị hành chính cần xác định tọa độ mà chọn thời gian quan trắc cho phù hợp nhưng không được ít hơn 60 phút.

3.2. Quy trình tính toán bình sai xác định tọa độ, độ cao mốc địa giới đơn vị hành chính được thực hiện như quy trình tính toán bình sai lưới khống chế tọa độ các cấp. Tọa độ các mốc địa giới đơn vị hành chính cấp xã được tính toán bình sai trong Hệ VN-2000, múi chiếu 3° phù hợp với kinh tuyến trục của bản đồ địa hình được sử dụng làm nền để thành lập bản đồ địa giới đơn vị hành chính cấp xã khu vực đó.

3.3. Sai số trung phương tọa độ, độ cao mốc địa giới đơn vị hành chính cấp xã sau bình sai không được phép vượt quá 0,3m đối với mặt phẳng và 0,5m đối với độ cao. Ở khu vực ẩn khuất, khó khăn các sai số này được phép nâng lên 0,5m đối với mặt phẳng và 0,7m đối với độ cao;

3.4. Sau khi tính toán bình sai phải lập Bảng xác nhận tọa độ mốc địa giới đơn vị hành chính cấp xã, giá trị tọa độ, độ cao mốc địa giới đơn vị hành chính được điền viết đến 0,01m theo mẫu được quy định tại Mẫu số 04 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Xác định tọa độ các điểm đặc trưng trên đường địa giới đơn vị hành chính cấp xã

Tọa độ các điểm đặc trưng trên đường địa giới đơn vị hành chính cấp xã được xác định trên bản đồ địa hình dạng số sử dụng làm nền cho bản đồ địa giới đơn vị hành chính cấp xã đó. Tọa độ điểm đặc trưng lấy đến 0,01m, Bảng tọa độ các điểm đặc trưng trên đường địa giới đơn vị hành chính cấp xã được thực hiện theo quy định tại Mẫu số 05 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

5²⁴. Xác định tọa độ, độ cao mốc địa giới đơn vị hành chính và các điểm đặc trưng trên đường địa giới đơn vị hành chính cấp tỉnh.

a) Bảng tọa độ các mốc địa giới đơn vị hành chính và các điểm đặc trưng trên đường địa giới đơn vị hành chính cấp tỉnh được lập trên cơ sở bảng xác

²⁴ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Thông tư số 25/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 48/2014/TT-BTNMT ngày 22 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về xác định đường địa giới hành chính, cắm mốc địa giới và lập hồ sơ địa giới hành chính các cấp, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

nhận tọa độ các mốc địa giới đơn vị hành chính cấp xã. Trong đó, các mốc địa giới đơn vị hành chính cấp xã nằm trên đường địa giới đơn vị hành chính cấp tỉnh và giao điểm giữa đường địa giới đơn vị hành chính cấp xã với đường địa giới đơn vị hành chính cấp tỉnh không cắm mốc được coi là những điểm đặc trưng trên đường địa giới đơn vị hành chính cấp tỉnh;

b) Trường hợp bản đồ địa giới đơn vị hành chính cấp xã có cơ sở toán học khác với cơ sở toán học của bản đồ địa giới đơn vị hành chính cấp tỉnh thì phải tính chuyển các giá trị tọa độ này về đúng cơ sở toán học của bản đồ địa giới đơn vị hành chính cấp tỉnh;

c) Bảng tọa độ các mốc địa giới đơn vị hành chính và điểm đặc trưng trên đường địa giới đơn vị hành chính cấp tỉnh được lập theo quy định tại Mẫu số 06 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này. Giá trị tọa độ, độ cao lấy đến 0,01m.

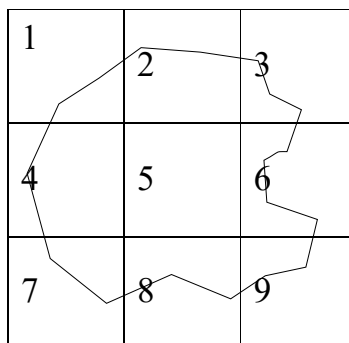
Điều 9. Thành lập bản đồ địa giới đơn vị hành chính các cấp²⁵

1. Bản đồ nền sử dụng để thành lập bản đồ địa giới đơn vị hành chính các cấp là bản đồ địa hình quốc gia dạng số mới nhất được cung cấp bởi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Tỷ lệ bản đồ nền được sử dụng để thành lập bản đồ địa giới đơn vị hành chính các cấp được quy định như sau:

Cấp hành chính	Vùng đô thị, đồng bằng	Vùng trung du, miền núi
Cấp xã	1:2.000 - 1:10.000	1:5.000 - 1:10.000
Cấp tỉnh	1:10.000 - 1:50.000	1:25.000 - 1:50.000

3. Phiên hiệu mảnh bản đồ địa giới đơn vị hành chính là phiên hiệu của mảnh bản đồ nền tương ứng. Ngoài phiên hiệu được đánh số theo quy định của bản đồ địa hình, mỗi mảnh bản đồ địa giới đơn vị hành chính phải được đánh số thứ tự theo nguyên tắc từ trái sang phải, từ trên xuống dưới theo thứ tự sắp xếp của các tờ bản đồ trong mỗi đơn vị hành chính. Ví dụ:



²⁵ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Thông tư số 25/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 48/2014/TT-BTNMT ngày 22 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về xác định đường địa giới hành chính, cắm mốc địa giới và lập hồ sơ địa giới hành chính các cấp, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

4. Bản đồ địa giới đơn vị hành chính cấp xã được thành lập bằng công nghệ số trên cơ sở bản đồ nền dạng số, bản đồ địa giới đơn vị hành chính gốc thực địa, các bảng xác nhận tọa độ mốc địa giới đơn vị hành chính và bảng tọa độ các điểm đặc trưng. Bản đồ địa giới đơn vị hành chính cấp tỉnh được thành lập trên bản đồ nền có tỷ lệ nhỏ hơn, trong đó các yếu tố địa giới đơn vị hành chính và các yếu tố địa lý có liên quan đến địa giới đơn vị hành chính được tổng hợp từ bản đồ địa giới đơn vị hành chính cấp xã.

5. Nội dung bản đồ địa giới đơn vị hành chính các cấp

a) Các yếu tố nội dung của bản đồ nền;

b) Các yếu tố địa giới đơn vị hành chính: Đường địa giới đơn vị hành chính, mốc địa giới đơn vị hành chính và các điểm đặc trưng trên đường địa giới đơn vị hành chính; trong trường hợp trên tuyến địa giới đơn vị hành chính còn tranh chấp thì trên bản đồ phải thể hiện đường địa giới đơn vị hành chính đúng thực trạng quản lý theo quan điểm của từng đơn vị hành chính liền kề và thể hiện ký hiệu đường địa giới chưa xác định;

c) Các yếu tố địa lý có liên quan đến đường địa giới đơn vị hành chính được sử dụng như vật định hướng phục vụ việc xác định vị trí và mô tả đường địa giới đơn vị hành chính;

d) Địa danh các đơn vị hành chính trong mảnh bản đồ; địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn trong phạm vi đơn vị hành chính và phạm vi 2cm ngoài đường địa giới đơn vị hành chính các cấp tại thời điểm lập bản đồ. Toàn bộ địa danh thể hiện trên bản đồ địa giới đơn vị hành chính trong phạm vi đơn vị hành chính phải lập Phiếu thống kê địa danh dân cư, Phiếu thống kê địa danh sơn văn, Phiếu thống kê địa danh thủy văn theo quy định tại Mẫu số 10 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

đ) Các đảo, đá, bãi cạn, bãi ngầm phải ghi chú tên đơn vị hành chính quản lý ở trong ngoặc đơn đặt dưới tên đảo hoặc bên cạnh đảo. Trường hợp đảo, đá, bãi cạn, bãi ngầm nằm cách xa đất liền ngoài phạm vi của tờ bản đồ có phần đất liền thì phải làm sơ đồ thuyết minh kèm theo;

e) Đối với những đơn vị hành chính có đường biên giới quốc gia thì đường địa giới đơn vị hành chính phải thể hiện đến đường biên giới quốc gia.

6. Trình bày bản đồ địa giới đơn vị hành chính

a) Bản đồ địa giới đơn vị hành chính các cấp được giới hạn bởi đường địa giới đơn vị hành chính từng cấp, trong đó các yếu tố bản đồ nền trình bày theo quy định bản đồ địa hình, các yếu tố địa giới đơn vị hành chính thể hiện theo ký hiệu bản đồ địa giới đơn vị hành chính; ký hiệu bản đồ địa giới đơn vị hành chính theo quy định tại Mẫu số 08 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Tại các điểm đầu hoặc cuối đường địa giới đơn vị hành chính các cấp bao quanh đơn vị hành chính hoặc lãnh thổ, đoạn địa giới được kéo dài thêm 2cm ở tỷ lệ bản đồ;

c) Đường địa giới đơn vị hành chính các cấp phải được tô viền bằng các dải màu (dải bo) có màu hồng sáng, đảm bảo không làm mờ các yếu tố địa giới đơn vị hành chính và các yếu tố địa lý. Đối với đường địa giới đơn vị hành chính bao quanh đơn vị hành chính thì chỉ tiến hành tạo dải bo về phía ngoài, đối với các đường địa giới đơn vị hành chính nội bộ bên trong thì dải bo được tạo về hai phía của đường địa giới đơn vị hành chính;

d) Độ rộng dải bo của đường địa giới đơn vị hành chính bao quanh đơn vị hành chính các cấp trên bản đồ được quy định như sau:

- Cấp tỉnh rộng 15mm;
- Cấp xã rộng 10mm.

đ) Độ rộng dải bo đối với đường địa giới đơn vị hành chính cấp xã trên bản đồ địa giới đơn vị hành chính cấp tỉnh là 8mm, chia đều mỗi bên 4mm;

e) Trình bày ngoài khung bản đồ địa giới đơn vị hành chính các cấp theo quy định tại Mẫu số 09 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

7. Quy định thành lập bản đồ địa giới đơn vị hành chính cấp xã

a) Mốc địa giới đơn vị hành chính các cấp được thể hiện trên bản đồ số theo đúng giá trị tọa độ trong bảng xác nhận tọa độ mốc địa giới đơn vị hành chính cấp xã;

b) Điểm đặc trưng được thể hiện trên bản đồ số theo đúng giá trị tọa độ trong bảng tọa độ điểm đặc trưng trên đường địa giới đơn vị hành chính;

c) Trên cơ sở bản đồ địa giới đơn vị hành chính gốc thực địa, xóa bỏ các yếu tố không còn tồn tại trên thực địa đồng thời biên tập bổ sung các yếu tố địa lý đã được thực hiện theo quy định tại tiết b điểm 2.1 khoản 2 Điều 6 Thông tư này;

d) Đường địa giới đơn vị hành chính các cấp được thể hiện trên bản đồ địa giới đơn vị hành chính cấp xã trên cơ sở bản đồ địa giới đơn vị hành chính gốc thực địa đã được các đơn vị hành chính liên kề thống nhất xác định. Trên bản đồ số, đường địa giới đơn vị hành chính phải đi qua các điểm đặc trưng, các mốc địa giới đơn vị hành chính nằm trên đường địa giới;

đ) Đường địa giới đơn vị hành chính cấp xã chỉ vẽ đến bờ biển. Đường địa giới đơn vị hành chính cấp tỉnh phải được thể hiện đến đường cơ sở;

e) Biên tập bản đồ địa giới đơn vị hành chính cấp xã dạng số:

- Việc biên tập bản đồ địa giới đơn vị hành chính cấp xã dạng số tuân thủ theo các quy định về biên tập bản đồ địa hình dạng số hiện hành cùng tỷ lệ có bổ sung các yếu tố địa giới đơn vị hành chính vào nhóm đối tượng biên giới, địa giới. Các yếu tố địa giới đơn vị hành chính phải được thể hiện ở dạng số theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 9 Thông tư này;

- Các yếu tố địa giới đơn vị hành chính được tổ chức, tách lớp riêng biệt và biên tập theo đơn vị hành chính cấp xã. Các yếu tố địa lý khác được giữ nguyên theo đơn vị mảnh bản đồ nền;

- Trường hợp có sự mâu thuẫn về vị trí của mốc địa giới đơn vị hành chính so với các yếu tố địa lý lân cận, phải tiến hành biên tập lại các yếu tố địa lý trên bản đồ cho phù hợp;

- Tại các khu vực có mật độ địa vật quá dày, khi mốc địa giới đơn vị hành chính, điểm đặc trưng trùng với yếu tố địa lý trên bản đồ thì ưu tiên thể hiện các yếu tố địa giới, các yếu tố địa lý có trong mô tả địa giới đơn vị hành chính và các yếu tố địa lý lân cận có tính định hướng;

- Trường hợp đường địa giới đơn vị hành chính đi trùng đối tượng hình tuyến trên bản đồ, căn cứ vào bản mô tả tiến hành chuẩn hoá lại đối tượng hình tuyến và các đối tượng có liên quan theo đúng tương quan hình học trên cơ sở giữ nguyên các điểm mốc địa giới đơn vị hành chính, các điểm đặc trưng. Sau khi chuẩn hoá, đối tượng đường địa giới đơn vị hành chính được sao chép trùng khít từ đối tượng hình tuyến đó;

- Mỗi đối tượng đường địa giới đơn vị hành chính phải là một đường liên tục (Linestring) hoặc bao gồm nhiều đoạn tiếp nối với nhau với dung sai 0,001m. Tại những nơi đường địa giới đơn vị hành chính các cấp trùng nhau phải thể hiện đầy đủ bằng cách sao chép trùng khít tuyệt đối;

- Khi biên tập bản đồ địa giới đơn vị hành chính dạng số được phép sử dụng công cụ làm sạch tự động với dung sai 0,001m đối với các vị trí điểm mốc địa giới đơn vị hành chính, điểm đặc trưng trên đường địa giới đơn vị hành chính và điểm giao cắt giữa các tuyến địa giới đơn vị hành chính; 0,1m đối với các đối tượng khác.

g) Biên tập bản đồ địa giới đơn vị hành chính cấp xã phục vụ in trên giấy

- Bản đồ địa giới đơn vị hành chính in trên giấy được xác lập tính pháp lý theo quy định tại điểm 4.1 khoản 4 Điều 10 Thông tư này;

- Biên tập bản đồ địa giới đơn vị hành chính cấp xã phục vụ in trên giấy được thực hiện trên cùng phiên bản phần mềm và bộ thư viện ký hiệu đã sử dụng trong biên tập bản đồ địa giới đơn vị hành chính cấp xã dạng số;

- Độ chính xác và tính đầy đủ của phiên bản dữ liệu bản đồ phục vụ in trên giấy không được thay đổi so với bộ dữ liệu bản đồ địa giới đơn vị hành chính cấp xã dạng số;

- Quá trình biên tập chỉ được phép xê dịch vị trí các ghi chú hoặc một số ký hiệu có tính đại diện để các nội dung liên quan đến đường địa giới đơn vị hành chính các cấp trên bản in được trình bày rõ ràng, dễ đọc;

- Trường hợp đối tượng quá dày, cho phép viết tắt các ghi chú theo quy định của bản đồ địa hình truyền thống, cá biệt có thể được phép thu nhỏ đến 2/3 so với quy định để đảm bảo dung nạp hết những nội dung cần thiết;

- Trường hợp đoạn địa giới đơn vị hành chính đi trùng đối tượng hình tuyến, ký hiệu đường địa giới đơn vị hành chính được biên tập chéo cánh xê hai bên đoạn đối tượng hình tuyến để chỉ rõ giới hạn đoạn địa giới đơn vị hành chính đi trùng. Ký hiệu chéo cánh xê tuân theo quy tắc thể hiện của bản đồ địa hình truyền thống.

8. Quy định thành lập bản đồ địa giới đơn vị hành chính cấp tỉnh

a) Bản đồ địa giới đơn vị hành chính cấp tỉnh được thành lập bằng công nghệ số từ bản đồ địa giới đơn vị hành chính cấp xã phục vụ in trên giấy;

b) Mốc địa giới đơn vị hành chính và các điểm đặc trưng cấp tỉnh được thể hiện theo đúng giá trị tọa độ trong bảng tọa độ các mốc địa giới đơn vị hành chính và các điểm đặc trưng trên đường địa giới đơn vị hành chính cấp tỉnh. Trường hợp có sự mâu thuẫn về vị trí của mốc so với các yếu tố địa lý lân cận, phải tiến hành biên tập lại các yếu tố địa lý liên quan trên bản đồ cho phù hợp;

c) Các yếu tố địa giới đơn vị hành chính và các yếu tố địa lý có liên quan đến đường địa giới đơn vị hành chính từ kết quả biên tập bản đồ địa giới đơn vị hành chính cấp xã được tổng quát hoá và thể hiện trên bản đồ nền theo các quy định về nội dung và yêu cầu thể hiện ở tỷ lệ tương ứng. Các đối tượng nội dung liên quan trên bản đồ nền phải được chỉnh sửa, biên tập cho phù hợp, không được mâu thuẫn;

d) Đường địa giới đơn vị hành chính các cấp thể hiện trong bản đồ địa giới đơn vị hành chính cấp tỉnh trên cơ sở kế thừa kết quả biên tập bản đồ địa giới đơn vị hành chính cấp xã. Trường hợp có mâu thuẫn cần tiến hành chỉnh sửa, biên tập cho phù hợp trên cơ sở ưu tiên các yếu tố địa giới đơn vị hành chính đồng thời phải đảm bảo mức độ đầy đủ như trong bản mô tả đường địa giới đơn vị hành chính ở cấp tương ứng;

đ) Biên tập bản đồ địa giới đơn vị hành chính cấp tỉnh phục vụ in trên giấy được thực hiện theo các quy định như đối với việc biên tập bản đồ địa giới đơn vị hành chính cấp xã in trên giấy.

Điều 10. Lập hồ sơ địa giới đơn vị hành chính các cấp²⁶

1. Nội dung của hồ sơ địa giới đơn vị hành chính cấp xã

Hồ sơ địa giới đơn vị hành chính cấp xã bao gồm các tài liệu sau:

a) Các văn bản pháp lý về thành lập xã và điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính xã;

b) Bản đồ địa giới đơn vị hành chính cấp xã;

²⁶ Cụm từ viết tắt “ĐGHCH”, “địa giới hành chính” được thay thế bằng cụm từ “địa giới đơn vị hành chính” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Thông tư số 25/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 48/2014/TT-BTNMT ngày 22 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về xác định đường địa giới hành chính, cắm mốc địa giới và lập hồ sơ địa giới hành chính các cấp, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

c²⁷⁾ Các bản xác nhận sơ đồ vị trí các mốc địa giới đơn vị hành chính cấp xã, tỉnh trên đường địa giới đơn vị hành chính của xã;

d) Bản xác nhận tọa độ các mốc địa giới đơn vị hành chính cấp xã;

đ) Bảng tọa độ các điểm đặc trưng trên đường địa giới đơn vị hành chính cấp xã;

e) Mô tả tình hình chung về địa giới đơn vị hành chính cấp xã;

g) Các biên bản xác nhận mô tả đường địa giới đơn vị hành chính cấp xã;

h) Các phiếu thống kê địa danh (dân cư, thủy văn, sơn văn);

i) Biên bản bàn giao mốc địa giới đơn vị hành chính các cấp.

2²⁸. (được bãi bỏ)

3. Nội dung của hồ sơ địa giới đơn vị hành chính cấp tỉnh

Hồ sơ địa giới đơn vị hành chính cấp tỉnh bao gồm các tài liệu sau:

a) Các văn bản pháp lý về thành lập tỉnh và điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính tỉnh;

b) Bản đồ địa giới đơn vị hành chính cấp tỉnh;

c) Các bản xác nhận sơ đồ vị trí các mốc địa giới đơn vị hành chính cấp tỉnh trên đường địa giới đơn vị hành chính của tỉnh;

d) Bảng tọa độ các mốc địa giới đơn vị hành chính và các điểm đặc trưng trên đường địa giới đơn vị hành chính cấp tỉnh;

đ) Mô tả tình hình chung về địa giới đơn vị hành chính cấp tỉnh;

e) Các bản xác nhận mô tả đường địa giới đơn vị hành chính cấp tỉnh.

4. Xác lập tính pháp lý của các tài liệu trong hồ sơ địa giới đơn vị hành chính các cấp

4.1²⁹. Xác lập tính pháp lý trên bản đồ địa giới đơn vị hành chính các cấp:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, tỉnh ký xác nhận ở ngoài góc khung Đông nam các mảnh bản đồ trong bộ bản đồ địa giới đơn vị hành chính thuộc phạm vi quản lý hành chính của mình;

²⁷ Từ “huyện” được bỏ theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 2 Thông tư số 25/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 48/2014/TT-BTNMT ngày 22 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về xác định đường địa giới hành chính, cắm mốc địa giới và lập hồ sơ địa giới hành chính các cấp, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

²⁸ Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 2 Thông tư số 25/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 48/2014/TT-BTNMT ngày 22 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về xác định đường địa giới hành chính, cắm mốc địa giới và lập hồ sơ địa giới hành chính các cấp, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

²⁹ Từ “huyện” được bỏ theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 2 Thông tư số 25/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 48/2014/TT-BTNMT ngày 22 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về xác định đường địa giới hành chính, cắm mốc địa giới và lập hồ sơ địa giới hành chính các cấp, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, tỉnh liên quan ký xác nhận bên trong nội dung các mảnh bản đồ địa giới đơn vị hành chính vào phạm vi thuộc quản lý hành chính của mình và cách đường địa giới đơn vị hành chính chung với cấp lập hồ sơ từ 2cm đến 3cm.

4.2³⁰. Xác lập tính pháp lý trên sơ đồ vị trí các mốc địa giới đơn vị hành chính cấp:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trực tiếp quản lý mốc địa giới đơn vị hành chính ký xác nhận sơ đồ vị trí mốc địa giới đơn vị hành chính cấp tỉnh.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trực tiếp quản lý mốc ký xác nhận và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ký chứng thực sơ đồ vị trí mốc địa giới đơn vị hành chính cấp xã.

4.3. Xác lập tính pháp lý trên bản xác nhận tọa độ các mốc địa giới đơn vị hành chính:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp quản lý trực tiếp mốc địa giới đơn vị hành chính ký xác nhận vào bản xác nhận tọa độ các mốc địa giới đơn vị hành chính cấp tương ứng;

b) Đại diện đơn vị thi công ký xác nhận; người lập, người kiểm tra ký và ghi rõ họ tên.

4.4. Xác lập tính pháp lý đối với bản mô tả tình hình chung về địa giới đơn vị hành chính các cấp:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp ký xác nhận;

b) Người lập ký và ghi rõ họ tên.

4.5. Xác lập tính pháp lý đối với biên bản xác nhận mô tả đường địa giới đơn vị hành chính cấp xã:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã của hai bên liên quan ký xác nhận;

b³¹) Đại diện cơ quan chuyên môn cấp tỉnh gồm Sở Nội Vụ và đơn vị thi công ký chứng kiến.

4.6. Xác lập tính pháp lý đối với bản xác nhận mô tả đường địa giới đơn vị hành chính cấp huyện, cấp tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp tỉnh liên quan trực tiếp ký xác nhận.

³⁰ Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều 1 Thông tư số 25/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 48/2014/TT-BTNMT ngày 22 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về xác định đường địa giới hành chính, cắm mốc địa giới và lập hồ sơ địa giới hành chính các cấp, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

³¹ Tiết này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều 1 Thông tư số 25/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 48/2014/TT-BTNMT ngày 22 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về xác định đường địa giới hành chính, cắm mốc địa giới và lập hồ sơ địa giới hành chính các cấp, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

4.7. Xác lập tính pháp lý đối với phiếu thống kê địa danh (dân cư, thủy văn, sơn văn) thuộc địa phận hành chính cấp xã do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ký xác nhận, người lập phiếu ký và ghi rõ họ tên.

4.8. Xác lập tính pháp lý đối với biên bản bàn giao mốc địa giới đơn vị hành chính các cấp:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ký xác nhận bên giao mốc;

b³²⁾ Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ký xác nhận bên nhận mốc.

4.9³³. Đối với bản sao các văn bản pháp lý về thành lập, giải thể, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính các cấp: việc ký sao y bản chính theo quy định tại Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ về công tác văn thư.

5³⁴. Trình bày và đóng tập hồ sơ địa giới đơn vị hành chính lập mới

a) Danh mục, trình tự sắp xếp các tài liệu trong hồ sơ địa giới đơn vị hành chính các cấp được đóng tập theo quy định tại Mẫu số 15a, Mẫu số 15b Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này. Bìa của hồ sơ địa giới đơn vị hành chính các cấp được trình bày theo quy định tại Mẫu số 16a, Mẫu số 16b Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản đồ địa giới đơn vị hành chính các cấp được đóng tập theo thứ tự mảnh và các tài liệu khác có liên quan (nếu có). Bìa của tập bản đồ địa giới đơn vị hành chính các cấp trình bày theo quy định tại Mẫu số 17a, Mẫu số 17b Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 11. Chỉnh lý, bổ sung hồ sơ địa giới đơn vị hành chính đối với các đơn vị hành chính có sự điều chỉnh địa giới hành chính³⁵

1. Đơn vị hành chính các cấp thay đổi do thành lập, giải thể, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính theo Nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì thực hiện lập mới hoặc chỉnh lý, bổ sung hồ sơ địa giới đơn vị hành chính.

³² Tiết này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 7 Điều 1 Thông tư số 25/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 48/2014/TT-BTNMT ngày 22 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về xác định đường địa giới hành chính, cắm mốc địa giới và lập hồ sơ địa giới hành chính các cấp, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

³³ Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm d khoản 7 Điều 1 Thông tư số 25/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 48/2014/TT-BTNMT ngày 22 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về xác định đường địa giới hành chính, cắm mốc địa giới và lập hồ sơ địa giới hành chính các cấp, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

³⁴ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm đ khoản 7 Điều 1 Thông tư số 25/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 48/2014/TT-BTNMT ngày 22 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về xác định đường địa giới hành chính, cắm mốc địa giới và lập hồ sơ địa giới hành chính các cấp, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

³⁵ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 25/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 48/2014/TT-BTNMT ngày 22 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về xác định đường địa giới hành chính, cắm mốc địa giới và lập hồ sơ địa giới hành chính các cấp, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

2. Trường hợp đơn vị hành chính được thành lập mới do nâng cấp đô thị hoặc nhập, chia đơn vị hành chính dẫn đến có sự giải thể đơn vị hành chính thì tiến hành lập mới hồ sơ địa giới đơn vị hành chính. Các mốc có liên quan đến đường địa giới của đơn vị hành chính mới và vẫn phù hợp với tính chất mốc (mốc hai mặt, mốc ba mặt, mốc bốn mặt) sẽ được tiếp tục sử dụng, chỉ sửa ghi chú mặt mốc cho phù hợp với các đơn vị hành chính có liên quan.

3. Trường hợp có sự điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính nhưng không dẫn đến việc giải thể đơn vị hành chính thì thực hiện chỉnh lý, bổ sung hồ sơ địa giới đơn vị hành chính. Việc chỉnh lý bổ sung được thực hiện theo nguyên tắc sau:

a) Giữ nguyên hiện trạng bộ hồ sơ địa giới đơn vị hành chính hiện đang sử dụng sau khi có Quyết định điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, không chỉnh sửa làm thay đổi nội dung, tẩy xóa, xé lẻ bộ hồ sơ hiện có;

b) Những tài liệu và văn bản pháp lý trong hồ sơ hiện đang sử dụng có nội dung còn phù hợp với nội dung Quyết định điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính mới của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì được sao lục đưa vào hồ sơ địa giới đơn vị hành chính chỉnh lý, bổ sung;

c) Đối với tuyến địa giới đơn vị hành chính không thay đổi và không chôn thêm mốc địa giới đơn vị hành chính phải bổ sung bản sao Quyết định điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính mới của cơ quan nhà nước có thẩm quyền vào tập hồ sơ địa giới đơn vị hành chính hiện đang sử dụng;

d) Những tài liệu lập mới trong hồ sơ địa giới đơn vị hành chính phải được xác lập tính pháp lý theo quy định tại khoản 4 Điều 10 Thông tư này;

đ) Những tài liệu bổ sung thêm và những tài liệu liên quan đến chỉnh lý hồ sơ địa giới đơn vị hành chính đều phải đóng bổ sung vào tập hồ sơ hiện đang sử dụng.

4. Trường hợp có điều chỉnh đường địa giới đơn vị hành chính và chôn thêm mốc mới thì phải bổ sung vào tập hồ sơ hiện đang sử dụng những tài liệu sau:

a) Bản thống kê danh mục tài liệu mới bổ sung;

b) Bản sao văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính;

c) Bản tổng hợp những thay đổi về địa giới đơn vị hành chính;

d) Bản xác nhận sơ đồ vị trí mốc mới bổ sung;

đ) Bảng xác nhận tọa độ các mốc địa giới đơn vị hành chính và bảng tọa độ các điểm đặc trưng trên đường địa giới đơn vị hành chính mới bổ sung;

e) Biên bản xác nhận mô tả tuyến địa giới đơn vị hành chính mới lập;

g) Biên bản bàn giao mốc địa giới đơn vị hành chính mới bổ sung.

5. Tài liệu pháp lý sử dụng để chỉnh lý, bổ sung bản đồ địa giới đơn vị hành chính bao gồm:

- a) Bản sao quyết định của cấp có thẩm quyền về điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính;
- b) Bản đồ địa giới đơn vị hành chính hiện đang sử dụng;
- c) Bản đồ nền do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cung cấp;
- d) Bản xác nhận sơ đồ vị trí mốc địa giới đơn vị hành chính mới bổ sung, biên bản xác nhận mô tả tuyến địa giới đơn vị hành chính mới điều chỉnh, bản xác nhận tọa độ mốc địa giới đơn vị hành chính, bảng tọa độ các điểm đặc trưng trên đường địa giới đơn vị hành chính.

6. Thực hiện chỉnh lý, bổ sung bản đồ địa giới đơn vị hành chính theo quy định sau:

a) Căn cứ vào tài liệu, văn bản pháp lý về điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính tiến hành bổ sung, chỉnh sửa các ký hiệu đường địa giới, mốc địa giới đơn vị hành chính, địa danh hành chính, địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn cho phù hợp đồng thời bổ sung, chỉnh sửa các yếu tố địa lý liên quan đến đường địa giới đơn vị hành chính trong phạm vi 2cm trên bản đồ về hai bên đường địa giới đơn vị hành chính cấp xã;

b) Trình bày bản đồ địa giới đơn vị hành chính sau khi đã được chỉnh lý bổ sung theo quy định tại Mẫu số 09 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này, góc phía Đông bắc ngoài khung mảnh bản đồ có ghi chú nội dung: “Mảnh bản đồ được chỉnh lý bổ sung theo Nghị quyết số..., ngày..., tháng..., năm... của...” (điền tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính phải được ghi chính xác theo các văn bản pháp lý).

7. Xác lập tính pháp lý trên các tài liệu chỉnh lý, bổ sung của hồ sơ địa giới đơn vị hành chính các cấp được thực hiện theo các quy định sau:

a) Các tài liệu lập mới thì xác lập tính pháp lý theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Thông tư này;

b) Các tài liệu có nội dung không thay đổi được sao lục và xác nhận bởi cơ quan hành chính nhà nước cấp trên quản lý trực tiếp đơn vị hành chính có sự điều chỉnh.

8. Đóng tập các tài liệu chỉnh lý, bổ sung hồ sơ địa giới đơn vị hành chính các cấp:

a) Bản đồ địa giới đơn vị hành chính mới chỉnh lý, bổ sung được đóng tiếp vào tập bản đồ địa giới đơn vị hành chính hiện đang sử dụng hoặc theo các quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

b) Các văn bản tài liệu mới chỉnh lý, bổ sung được đóng tiếp vào tập hồ sơ địa giới đơn vị hành chính hiện đang sử dụng hoặc theo các quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 12. Kiểm tra chất lượng sản phẩm³⁶

1. Yêu cầu về kiểm tra chất lượng sản phẩm:

a) Nhiệm vụ kiểm tra chất lượng hồ sơ địa giới đơn vị hành chính phải được thực hiện ngay sau khi hoàn thành từng hạng mục công việc, sản phẩm;

b) Hồ sơ địa giới đơn vị hành chính khi kiểm tra phải đảm bảo được lập đầy đủ theo quy định tại Điều 10 Thông tư này, các số liệu phải chính xác, từ ngữ sử dụng trong các văn bản phải ngắn gọn, rõ ràng, dễ hiểu và thống nhất giữa các cấp;

c) Đảm bảo tính thống nhất và chính xác về mặt kỹ thuật trong quá trình thực hiện nhiệm vụ đo vẽ bổ sung các yếu tố địa giới đơn vị hành chính, các yếu tố địa lý từ thực địa lên bản đồ địa hình và về lập hồ sơ, bản đồ địa giới đơn vị hành chính;

d) Xác nhận rõ khối lượng nhiệm vụ đã thực hiện, đối chiếu với Dự án, Thiết kế kỹ thuật - dự toán để làm cơ sở cho việc quyết toán;

đ) Khi kết thúc kiểm tra hồ sơ địa giới đơn vị hành chính phải lập báo cáo gửi cơ quan quản lý cấp trên nêu rõ số lượng và chất lượng từng tài liệu trong hồ sơ địa giới đơn vị hành chính. Trong báo cáo phải có kết luận rõ ràng và đánh giá chất lượng tốt hoặc đạt yêu cầu, những thiếu sót cần phải bổ sung, sửa chữa hoặc làm lại, thời gian hoàn thành, khi nộp lên cấp trên phải đảm bảo đầy đủ và chính xác;

e) Phiếu ghi ý kiến kiểm tra, Biên bản kiểm tra chất lượng hồ sơ địa giới đơn vị hành chính, Bảng danh mục tài liệu đã kiểm tra lập theo quy định tại Mẫu số 18a, Mẫu số 18b, Mẫu số 18c Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

g) Những ý kiến liên quan đến đề nghị xử lý của cơ quan Trung ương (Bộ Nội vụ, Bộ Nông nghiệp và Môi trường) phải lập thành văn bản đề nghị riêng.

2. Trình tự trách nhiệm các cấp trong kiểm tra chất lượng sản phẩm:

a) Đơn vị thi công chịu trách nhiệm kiểm tra tất cả các hạng mục của sản phẩm theo các chỉ tiêu kỹ thuật đưa ra trong nội dung Thông tư này;

b) Ủy ban nhân dân các cấp phối hợp với đơn vị thi công kiểm tra chất lượng hồ sơ địa giới đơn vị hành chính thuộc trách nhiệm quản lý trực tiếp của mình và kiểm tra chất lượng hồ sơ địa giới đơn vị hành chính của cấp dưới thuộc thẩm quyền quản lý;

c) Sở Nội vụ, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn và tổ chức thực hiện công tác kiểm tra chất lượng hồ sơ địa giới đơn vị hành chính các cấp;

³⁶ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 9 Điều 1 Thông tư số 25/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 48/2014/TT-BTNMT ngày 22 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về xác định đường địa giới hành chính, cắm mốc địa giới và lập hồ sơ địa giới hành chính các cấp, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

d) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm trước Chính phủ về chất lượng toàn bộ hồ sơ địa giới đơn vị hành chính các cấp thuộc thẩm quyền quản lý của mình. Để bảo đảm giá trị sử dụng lâu dài, nếu trong quá trình sử dụng phát hiện có sai sót thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải có biện pháp chỉ đạo các cấp liên quan chỉnh lý, bổ sung kịp thời và báo cáo cơ quan quản lý cấp trên, không để kéo dài;

đ) Hồ sơ địa giới đơn vị hành chính các cấp trước khi giao nộp để kiểm tra phải được xem xét kỹ lưỡng về số lượng, chất lượng của tất cả các tài liệu có liên quan đảm bảo bốn tính chất đầy đủ, chính xác, thống nhất và pháp lý của hồ sơ.

3. Tổ chức kiểm tra chất lượng sản phẩm

a) Ủy ban nhân dân mỗi cấp thành lập một tổ giúp việc để thực hiện công tác kiểm tra chất lượng hồ sơ địa giới đơn vị hành chính thuộc thẩm quyền quản lý trực tiếp và kiểm tra chất lượng hồ sơ địa giới đơn vị hành chính của cấp dưới thuộc quyền quản lý. Tổ giúp việc có nhiệm vụ:

- Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện và chuẩn bị các công việc cần thiết cho việc kiểm tra chất lượng sản phẩm ngay sau khi hoàn thành;

- Thực hiện kiểm tra cơ sở pháp lý và nội dung kỹ thuật đối với các sản phẩm đưa vào kiểm tra;

- Chỉ ra những thiếu sót và yêu cầu đơn vị thi công có trách nhiệm bổ sung, sửa chữa kịp thời hoặc yêu cầu làm lại khi cần thiết;

- Xác nhận việc sửa chữa, bổ sung hoặc làm lại (nếu có); giúp Ủy ban nhân dân cấp mình xác nhận tính pháp lý cho hồ sơ, xác nhận việc hoàn thành của đơn vị thi công và soạn thảo báo cáo kết quả kiểm tra chất lượng sản phẩm gửi cấp trên.

b) Tổ chức kiểm tra chất lượng trên toàn bộ các hạng mục sản phẩm bản đồ địa giới đơn vị hành chính và các tài liệu theo quy định trong bộ hồ sơ địa giới đơn vị hành chính, các tài liệu liên quan trong quá trình thi công như: sổ đo, kết quả đo bù, bảng tính, biên bản kiểm nghiệm máy và các tài liệu khác.

c) Khi kiểm tra chất lượng hồ sơ địa giới đơn vị hành chính cấp xã, phải có đại diện của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; riêng đối với bộ hồ sơ địa giới đơn vị hành chính cấp tỉnh thì Ủy ban nhân dân tỉnh tự tổ chức kiểm tra.

d) Các tài liệu giao nộp trước khi kiểm tra:

- Bản đồ địa giới đơn vị hành chính;
- Sơ đồ vị trí các mốc địa giới đơn vị hành chính;
- Bảng xác nhận tọa độ các mốc địa giới đơn vị hành chính;
- Bảng tọa độ các điểm đặc trưng trên đường địa giới đơn vị hành chính;
- Các biên bản xác nhận mô tả địa giới đơn vị hành chính;
- Các phiếu thống kê địa danh.

4. Mức kiểm tra đối với hồ sơ địa giới đơn vị hành chính cấp xã:

a) Đơn vị thi công tự tổ chức kiểm tra 100% các hạng mục công việc và tài liệu trong hồ sơ địa giới đơn vị hành chính;

b) Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm theo dõi, giám sát quá trình thi công tại thực địa và kiểm tra 100% tất cả các hạng mục công việc và tài liệu của hồ sơ địa giới đơn vị hành chính cấp xã của mình trong quá trình đơn vị thi công tổ chức thực hiện;

c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm kiểm tra 20% các hạng mục công việc và tài liệu trong hồ sơ địa giới đơn vị hành chính sau đây:

- Kiểm tra tài liệu, chất lượng mốc;
- Kiểm tra kết quả đo tọa độ mốc và các điểm đặc trưng trên bản đồ địa giới đơn vị hành chính;
- Kiểm tra sự phù hợp giữa thực địa với các loại tài liệu: bản đồ địa giới đơn vị hành chính, sơ đồ vị trí mốc địa giới đơn vị hành chính, biên bản xác nhận mô tả địa giới đơn vị hành chính và các phiếu thống kê địa danh.

5. Mức kiểm tra đối với hồ sơ địa giới đơn vị hành chính cấp tỉnh

a) Đơn vị thi công tự tổ chức kiểm tra 100% tất cả các hạng mục công việc và tài liệu trong hồ sơ địa giới đơn vị hành chính do đơn vị thi công thực hiện;

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh kiểm tra 100% tất cả các hạng mục công việc và tài liệu của hồ sơ địa giới đơn vị hành chính cấp tỉnh do đơn vị thi công thực hiện; Bộ Nội vụ chủ trì phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Môi trường căn cứ tình hình cụ thể để quyết định mức độ kiểm tra các hạng mục công việc và tài liệu thuộc hồ sơ địa giới đơn vị hành chính cấp tỉnh trong quá trình thẩm định.

6. Đóng gói sản phẩm hồ sơ địa giới đơn vị hành chính các cấp

a) Trước khi đóng gói sản phẩm bản đồ địa giới đơn vị hành chính các cấp, phải rà soát toàn bộ sản phẩm theo các nội dung sau:

- Thông tin định tính, định lượng của các yếu tố địa lý cùng tên trên bản đồ địa giới đơn vị hành chính các cấp không được mâu thuẫn, đặc biệt là các yếu tố liên quan đến mô tả đường địa giới đơn vị hành chính các cấp;

- Các yếu tố địa giới đơn vị hành chính và yếu tố địa lý thể hiện trên bản đồ địa hình có liên quan phải được rà soát, chuẩn hoá 100% về độ chính xác, mức độ phù hợp giữa bản đồ số, bản đồ gốc thực địa và bản xác nhận mô tả đường địa giới đơn vị hành chính các cấp;

- Bản đồ địa giới đơn vị hành chính các cấp in trên giấy phải có chất lượng tốt, tông màu đồng đều, hình thức, màu sắc ký hiệu phải thống nhất trên toàn bộ sản phẩm. Các yếu tố nội dung về địa giới đơn vị hành chính phải rõ ràng, dễ nhận biết.

b) Việc tiếp biên phải được tiến hành trước khi tổng hợp nội dung bản đồ cấp xã lên cấp tỉnh. Phải tiếp biên tất cả các đối tượng kiểu đường, kiểu vùng có giao cắt với đường biên theo nguyên tắc các đối tượng kiểu đường và kiểu vùng không được biến dạng, đổi hướng hoặc gãy khúc. Các đối tượng địa vật, địa danh cùng tên giữa các đơn vị hành chính lân cận phải thống nhất;

c) Việc đóng gói, giao nộp sản phẩm chỉ được thực hiện sau khi đã thông qua công tác kiểm tra chất lượng sản phẩm cuối cùng của toàn dự án. Bản đồ địa giới đơn vị hành chính được đóng gói theo quy định của việc lập hồ sơ địa giới đơn vị hành chính các cấp, bao gồm:

- Dữ liệu bản đồ dạng số và kết quả biên tập phục vụ in trên giấy;
- Các thư viện ký hiệu được sử dụng để thành lập và biên tập bản đồ địa giới đơn vị hành chính các cấp;

- Các bảng biểu thống kê tọa độ điểm mốc, điểm đặc trưng và các sản phẩm trung gian khác đã sử dụng trong quá trình thành lập bản đồ;

d) Sổ đo GPS theo Mẫu số 7 của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng lưới tọa độ (QCVN 04:2009/BTNMT);

đ) Kết quả tính toán bình sai tọa độ, độ cao mốc địa giới đơn vị hành chính các cấp;

e) Các hạng mục sản phẩm dạng số được ghi trên đĩa CD, DVD có chất lượng tốt hoặc các thiết bị lưu trữ số khác.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 13. Hiệu lực thi hành³⁷

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 03 tháng 11 năm 2014 và hủy bỏ QCVN12:2008/BTNMT được ban hành kèm theo Quyết định số 12/2008/BTNMT ngày 18 tháng 12 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân định địa giới hành chính và lập hồ sơ địa giới hành chính các cấp”.

³⁷ Điều 3 và Điều 4 của Thông tư số 25/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 48/2014/TT-BTNMT ngày 22 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về xác định đường địa giới hành chính, cắm mốc địa giới và lập hồ sơ địa giới hành chính các cấp, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 quy định như sau:

“Điều 3. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Nông nghiệp và Môi trường để xem xét, quyết định./.”.

Điều 14. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm chỉ đạo triển khai thực hiện Thông tư này.

2. Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam có trách nhiệm kiểm tra việc thực hiện Thông tư này.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương triển khai thực hiện Thông tư này tại địa phương.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc thì các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài nguyên và Môi trường để xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Số: /VBHN-BNNMT

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (để đăng công báo);
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Sở NN&MT các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính, Bộ Tư pháp;
- Bộ trưởng, các Thứ trưởng Bộ NN&MT;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ, Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản pháp luật, Cổng Thông tin điện tử Bộ NN&MT (để đăng tải);
- Các đơn vị trực thuộc Bộ NN&MT;
- Lưu: VT, ĐDBĐ.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Thị Phương Hoa

**VỀ MẪU TRÌNH BÀY QUY ĐỊNH KỸ THUẬT VỀ XÁC ĐỊNH ĐƯỜNG
ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH, CẮM MỐC ĐỊA GIỚI VÀ LẬP HỒ SƠ ĐỊA
GIỚI HÀNH CHÍNH CÁC CẤP**

*(Kèm theo Thông tư số 48/2014/TT-BTNMT ngày 22 tháng 8 năm 2014 của Bộ
Tài nguyên và Môi trường)*

- Mẫu số 01: Quy cách mốc đúc bê tông thông thường.
- Mẫu số 02: Ghi chú trên mặt mốc địa giới đơn vị hành chính.
- Mẫu số 03a: Bản xác nhận sơ đồ vị trí mốc địa giới đơn vị hành chính cấp xã.
- Mẫu số 03b: Bản xác nhận sơ đồ vị trí mốc địa giới đơn vị hành chính cấp tỉnh.
- Phụ lục 03b³⁹: *(được bãi bỏ)*
- Mẫu số 04: Bảng xác nhận tọa độ mốc địa giới đơn vị hành chính cấp xã.
- Mẫu số 05: Bảng tọa độ các điểm đặc trưng trên đường địa giới đơn vị hành chính cấp xã.
- Mẫu số 06: Bảng tọa độ các mốc địa giới đơn vị hành chính và điểm đặc trưng trên đường địa giới đơn vị hành chính cấp tỉnh.
- Mẫu số 07: Biên bản bàn giao mốc địa giới đơn vị hành chính.
- Mẫu số 08: Ký hiệu bản đồ địa giới đơn vị hành chính.
- Mẫu số 09: Trình bày ngoài khung bản đồ địa giới đơn vị hành chính các cấp.
- Mẫu số 10: Phiếu thống kê địa danh.
- Mẫu số 11: Sơ đồ thuyết minh địa giới đơn vị hành chính.
- Mẫu số 12: Biên bản xác nhận mô tả địa giới đơn vị hành chính cấp xã.
- Phụ lục 13⁴⁰: *(được bãi bỏ)*
- Mẫu số 13: Bản xác nhận mô tả địa giới đơn vị hành chính cấp tỉnh.
- Mẫu số 14a: Mô tả tình hình chung về địa giới đơn vị hành chính cấp xã.

³⁸ Các Phụ lục được thay thế theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 2 Thông tư số 25/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 48/2014/TT-BTNMT ngày 22 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về xác định đường địa giới hành chính, cắm mốc địa giới và lập hồ sơ địa giới hành chính các cấp, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

³⁹ Phụ lục này được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 2 Thông tư số 25/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 48/2014/TT-BTNMT ngày 22 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về xác định đường địa giới hành chính, cắm mốc địa giới và lập hồ sơ địa giới hành chính các cấp, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

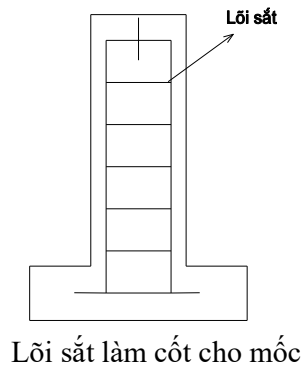
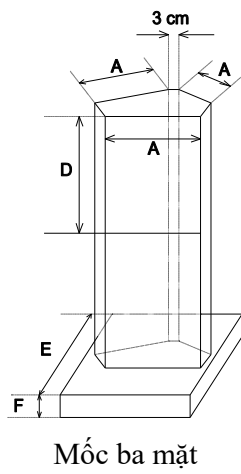
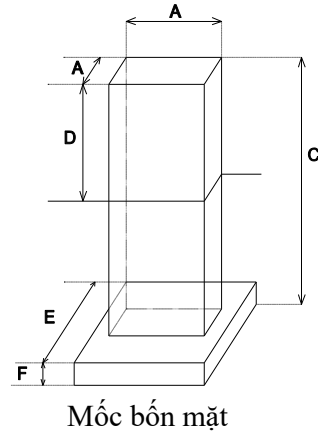
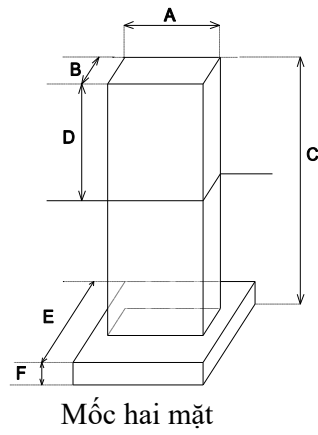
⁴⁰ Phụ lục này được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 2 Thông tư số 25/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 48/2014/TT-BTNMT ngày 22 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về xác định đường địa giới hành chính, cắm mốc địa giới và lập hồ sơ địa giới hành chính các cấp, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

- Mẫu số 14b: Mô tả tình hình chung về địa giới đơn vị hành chính cấp tỉnh.
- Phụ lục 15b⁴¹: **(được bãi bỏ)**
- Mẫu số 15a: Bản thống kê Danh mục tài liệu trong hồ sơ địa giới đơn vị hành chính cấp xã.
- Mẫu số 15b: Bản thống kê Danh mục tài liệu trong hồ sơ địa giới đơn vị hành chính cấp xã tỉnh.
- Phụ lục 16b⁴²: **(được bãi bỏ)**
- Mẫu số 16a: Mẫu bìa hồ sơ địa giới đơn vị hành chính cấp xã.
- Mẫu số 16b: Mẫu bìa hồ sơ địa giới đơn vị hành chính cấp tỉnh.
- Mẫu số 17a: Mẫu bìa tập bản đồ địa giới đơn vị hành chính cấp xã.
- Mẫu số 17b: Mẫu bìa tập bản đồ địa giới đơn vị hành chính cấp tỉnh.
- Mẫu số 18a: Phiếu ghi ý kiến kiểm tra.
- Mẫu số 18b: Biên bản kiểm tra chất lượng hồ sơ địa giới đơn vị hành chính.
- Mẫu số 18c: Bảng danh mục tài liệu đã kiểm tra.

⁴¹ Phụ lục này được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 2 Thông tư số 25/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 48/2014/TT-BTNMT ngày 22 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về xác định đường địa giới hành chính, cắm mốc địa giới và lập hồ sơ địa giới hành chính các cấp, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

⁴² Phụ lục này được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 2 Thông tư số 25/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 48/2014/TT-BTNMT ngày 22 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về xác định đường địa giới hành chính, cắm mốc địa giới và lập hồ sơ địa giới hành chính các cấp, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

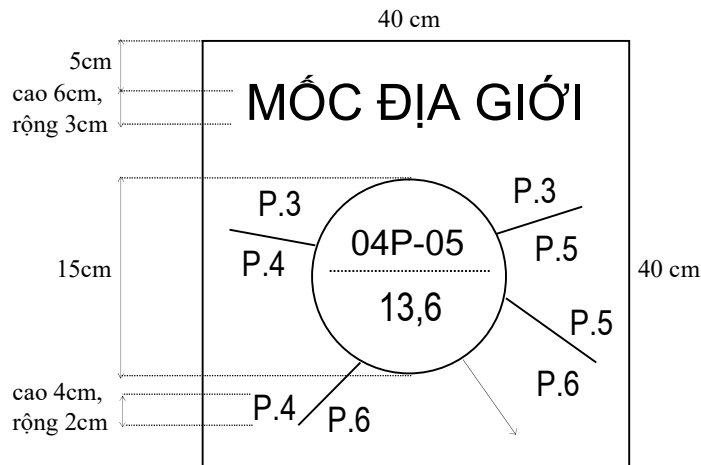
Mẫu số 01: Quy cách mố đúc bê tông thông thường



STT	Cấp	A cm	B cm	C cm	D cm	E cm	F cm
1	Xã	30	20	80	30	50	15
2	Tỉnh	40	30	80	30	50	15

Kích thước mố đúc bê tông thông thường

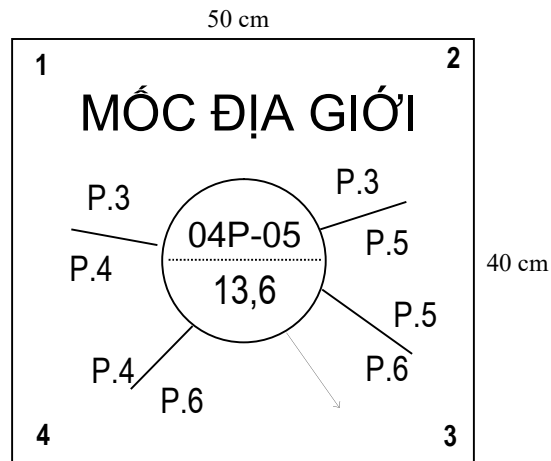
Mẫu số 02: Ghi chú trên mặt mốc địa giới đơn vị hành chính



Hình thức ghi trên mặt mốc chôn ngang bằng mặt hệ phố, đường giao thông

- 05** Số thứ tự mốc
- 04P** Loại mốc
- 13,6** Khoảng cách và hướng từ mốc đến ngã tư địa giới
- P.6** Chữ viết tắt (phường)

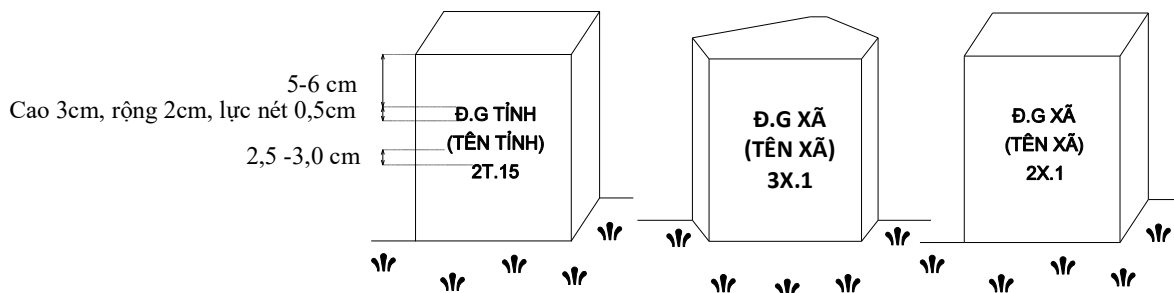
(Các ghi chú, chữ, số đều khắc chìm, nét chữ 0,5-1,0 cm)



Hình thức ghi trên mặt mốc gắn trên vật kiến trúc kiên cố

1,2,3,4 Vị trí 4 ốc vít cách góc của mốc 10cm

Đỉnh ốc đường kính 8, dài 15 cm, đầu ngoài êcu dài 15cm
(các ghi chú, chữ, số đều khắc chìm, nét chữ 0,5 cm)

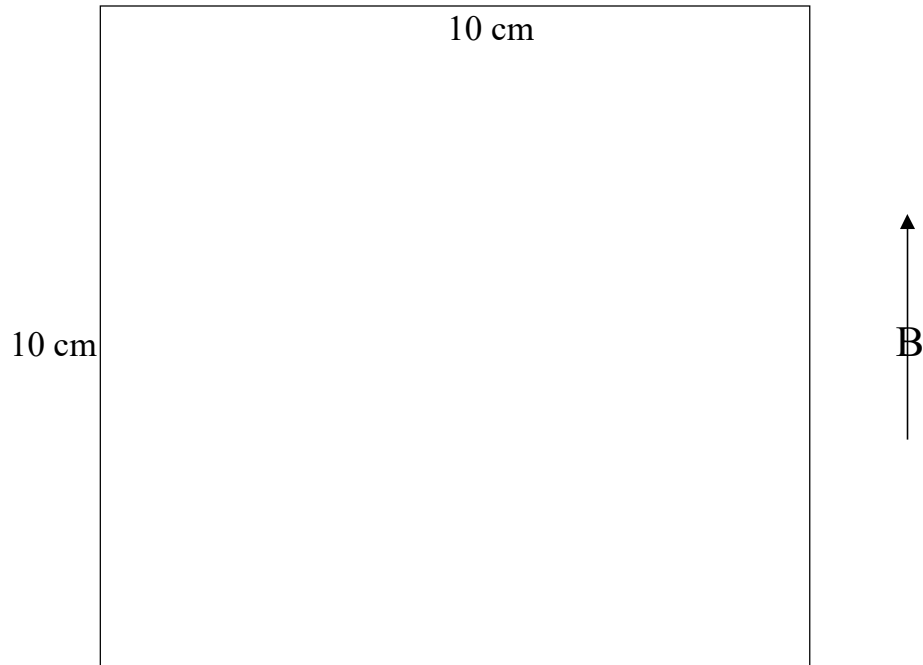


Hình thức ghi chú trên mặt mốc đúc bê tông thông thường và mốc xây

Mẫu số 03a: Bản xác nhận sơ đồ vị trí mốc địa giới đơn vị hành chính cấp xã**BẢN XÁC NHẬN SƠ ĐỒ VỊ TRÍ MỐC ĐỊA GIỚI ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH**

Số hiệu mốc:

Thuộc mảnh bản đồ địa hình:

**Tỷ lệ 1:**

Nơi cắm mốc (nói rõ vị trí):

Tại (gần) thôn (xóm) Xã Tỉnh

Tại (gần) thôn (xóm) Xã Tỉnh

Tại (gần) thôn (xóm) Xã Tỉnh

STT	Tên vật chuẩn	Số liệu đo từ mốc		Ghi chú
		Góc phương vị o ‘ “	Khoảng cách (m)	
A				
B				
C				

....., ngày tháng năm.....

Địa phương cắm mốc xác nhận

TM. UBND xã	TM. UBND xã	TM. UBND xã
Chức vụ	Chức vụ	Chức vụ
<i>ký tên, đóng dấu</i>	<i>ký tên, đóng dấu</i>	<i>ký tên, đóng dấu</i>
Họ và tên	Họ và tên	Họ và tên

Cấp quản lý chứng thực

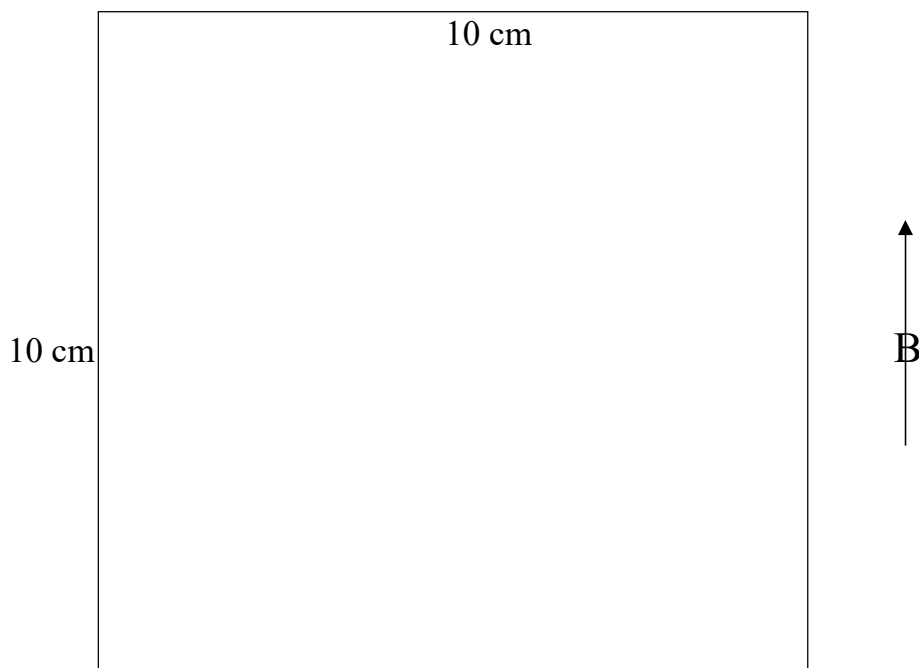
TM. UBND tỉnh	TM. UBND tỉnh	TM. UBND tỉnh
Ngày tháng năm	Ngày tháng năm	Ngày tháng năm
Chức vụ	Chức vụ	Chức vụ
<i>ký tên, đóng dấu</i>	<i>ký tên, đóng dấu</i>	<i>ký tên, đóng dấu</i>
Họ và tên	Họ và tên	Họ và tên

Ghi chú: Nội dung trong sơ đồ mốc vẽ màu như bản đồ địa hình ở tỷ lệ tương ứng

Mẫu số 03b: Bản xác nhận sơ đồ vị trí mốc địa giới đơn vị hành chính cấp tỉnh**BẢN XÁC NHẬN SƠ ĐỒ VỊ TRÍ MỐC ĐỊA GIỚI ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH**

Số hiệu mốc:

Thuộc mảnh bản đồ địa hình:

**Tỷ lệ 1:**

Nơi cắm mốc (nói rõ vị trí):

Tại (gần) thôn (xóm) Xã Tỉnh

Tại (gần) thôn (xóm) Xã Tỉnh

Tại (gần) thôn (xóm) Xã Tỉnh

STT	Tên vật chuẩn	Số liệu đo từ mốc		Ghi chú
		Góc phương vị o ‘ “	Khoảng cách (m)	
A				
B				
C				

....., ngày tháng năm

Địa phương cắm mốc xác nhận

TM. UBND tỉnh	TM. UBND tỉnh	TM. UBND tỉnh
Ngày tháng năm	Ngày tháng năm	Ngày tháng năm
Chủ tịch	Chủ tịch	Chủ tịch
<i>ký tên, đóng dấu</i>	<i>ký tên, đóng dấu</i>	<i>ký tên, đóng dấu</i>
Họ và tên	Họ và tên	Họ và tên

Ghi chú: Nội dung trong sơ đồ mốc vẽ màu như bản đồ địa hình ở tỷ lệ tương ứng

Mẫu số 04: Bảng xác nhận tọa độ mốc địa giới đơn vị hành chính cấp xã
BẢNG XÁC NHẬN TỌA ĐỘ MỐC ĐỊA GIỚI ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Xã Tỉnh

Và các

Xã Tỉnh

Xã Tỉnh

Xã Tỉnh

Xã Tỉnh

STT	Số hiệu mốc	Tọa độ		Độ cao (m)	Ghi chú
		X (m)	Y (m)		
1	2	3	4	5	6
1					
2					
3					
4					
...					
...					
...					

Người lập bảng
(ký và ghi rõ họ tên)

Người kiểm tra
(ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày tháng năm

Cơ quan thi công

(ký tên, đóng dấu)

....., ngày tháng năm

TM. UBND xã

Chủ tịch (ký tên, đóng dấu)

**Mẫu số 05: Bảng tọa độ các điểm đặc trưng trên đường địa giới đơn vị
hành chính cấp xã**

**BẢNG TỌA ĐỘ CÁC ĐIỂM ĐẶC TRƯNG TRÊN ĐƯỜNG
ĐỊA GIỚI ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH**

THEO ĐOẠN MÔ TẢ: TỪ ĐẾN

Xã

Tỉnh

Và xã

Tỉnh

STT	Số hiệu mốc, số hiệu điểm	Tọa độ		Độ cao (m)	Ghi chú
		X (m)	Y (m)		
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>
1					
2					
3					
4					
...					

Người lập bảng
(ký và ghi rõ họ tên)

Người kiểm tra
(ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày tháng năm

Cơ quan thi công

(ký tên, đóng dấu)

....., ngày tháng năm

TM. UBND xã

Chủ tịch (ký tên, đóng dấu)

**Mẫu số 06: Bảng tọa độ các mốc địa giới đơn vị hành chính và
điểm đặc trưng trên đường địa giới đơn vị hành chính cấp tỉnh**

**BẢNG TỌA ĐỘ CÁC MỐC ĐỊA GIỚI VÀ ĐIỂM ĐẶC TRƯNG TRÊN
ĐƯỜNG ĐỊA GIỚI ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH**

THEO ĐOẠN MÔ TẢ: TỪ ĐẾN

Tỉnh và tỉnh

STT	Số hiệu mốc, số hiệu điểm	Tọa độ		Độ cao (m)	Ghi chú
		X (m)	Y (m)		
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>
1					
2					
3					
4					
...					

Người lập bảng
(ký và ghi rõ họ tên)

Người kiểm tra
(ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày tháng năm

Cơ quan thi công

(ký tên, đóng dấu)

....., ngày tháng năm

TM. UBND tỉnh

Chủ tịch (ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 07: Biên bản bàn giao mốc địa giới đơn vị hành chính

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****BIÊN BẢN BÀN GIAO MỐC ĐỊA GIỚI ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH**

Thực hiện Nghị quyết số/...../..... ngày ... tháng ... năm của về việc

Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố) bàn giao cho Ủy ban nhân dân xã (phường, đặc khu) mốc địa giới đơn vị hành chính có số hiệu sau để bảo quản:

- Mốc địa giới đơn vị hành chính cấp tỉnh:
- Mốc địa giới đơn vị hành chính cấp xã:

Trong quá trình bảo quản, nếu phát hiện thấy mốc địa giới đơn vị hành chính bị phá hủy, hư hỏng hoặc xê dịch thì Ủy ban nhân dân các xã (phường, đặc khu) liên quan có trách nhiệm khôi phục lại trong thời hạn nhanh nhất, đồng thời báo cáo lên cấp tỉnh.

Biên bản này được lưu vào hồ sơ địa giới đơn vị hành chính các cấp theo quy định./.

....., ngày tháng năm

Bên nhận

TM. UBND xã

Chủ tịch (ký tên, đóng dấu)

Bên giao

TM. UBND tỉnh

Chủ tịch (ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 08: Ký hiệu bản đồ địa giới đơn vị hành chính

TT	LOẠI ĐỐI TƯỢNG	KÝ HIỆU	GIẢI THÍCH
1	Tô bo đường địa giới đơn vị hành chính tỉnh		Địa giới đơn vị hành chính tỉnh bao ngoài lãnh thổ 15mm Đoạn 2cm của địa giới đơn vị hành chính 2 tỉnh khác: mỗi phía rộng 15mm Địa giới đơn vị hành chính xã trong nội bộ tỉnh mỗi phía rộng 4mm
2	Tô bo đường địa giới đơn vị hành chính xã		Địa giới đơn vị hành chính xã bao ngoài lãnh thổ 10mm Đoạn 2cm của địa giới đơn vị hành chính 2 xã khác: mỗi phía rộng 10mm
3	Các loại mốc (dùng chung một ký hiệu)		Vòng tròn đường kính 4mm, weight=5
4	Số hiệu mốc địa giới đơn vị hành chính cấp tỉnh	2T.9	Font: VnTimeH, cao: 3mm
5	Số hiệu mốc địa giới đơn vị hành chính cấp xã	3X.9	Font: VnTimeH, cao: 3mm
6	Điểm đặc trưng và số hiệu	9 	Vòng tròn đường kính 3mm, weight=5

Ghi chú: Các ký hiệu khác trên bản đồ địa giới đơn vị hành chính sử dụng theo quy định ký hiệu của bản đồ địa hình tỷ lệ tương ứng.

Mẫu số 09: Trình bày ngoài khung bản đồ địa giới đơn vị hành chính các cấp

TRÌNH BÀY NGOÀI KHUNG BẢN ĐỒ ĐỊA GIỚI ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CÁC CẤP

Lưu nét 0,5
ĐIỂM ĐÁ

VHạtalB, 8mm XÃ 2-4 mm

GIA LỘC
E-48 8 B-c-3

ĐỊA GIỚI ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH VHạtalB, 6mm
6mm
4mm

ĐIỂM ĐÁ	ĐIỂM ĐÁ
ĐIỂM ĐÁ	ĐIỂM ĐÁ
ĐIỂM ĐÁ	ĐIỂM ĐÁ

(Nội dung tại khung Nam trình bày theo bản đồ địa hình quốc gia ở tỷ lệ tương ứng)

TM. UBND XÃ
CHỦ TỊCH

Mẫu số 10: Phiếu thống kê địa danh**PHIẾU THỐNG KÊ ĐỊA DANH DÂN CƯ**

Xã

Tỉnh

Tổng số dân:..... người

Tổng số hộ: hộ

Diện tích tự nhiên: ha

STT	Cấp (ấp, buôn, bản, thôn, xóm, tổ, ...)	Tên đang dùng trong các văn bản (hoặc tên chính)	Tên dùng trước khi có tên hiện nay
1			
2			
....			

Ngày tháng năm

....., ngày.....thángnăm

Người lập phiếu:

TM. UBND xã

Người kiểm tra

Chủ tịch (ký tên, đóng dấu)

PHIẾU THỐNG KÊ ĐỊA DANH SƠN VẤN

Xã

Tỉnh

STT	Loại (dãy núi, núi, đồi, đèo, hang động, ...)	Tên đang dùng trong các văn bản (hoặc tên chính)	Tên dùng trước khi có tên hiện nay
1			
2			
....			

Ngày tháng năm

....., ngày.....thángnăm

Người lập phiếu:

TM. UBND xã

Người kiểm tra

Chủ tịch (ký tên, đóng dấu)

PHIẾU THỐNG KÊ ĐỊA DANH THỦY VĂN

Xã

Tỉnh

STT	Loại (sông, suối, kênh, mương, hồ, đập, cửa biển, ...)	Tên đang dùng trong các văn bản (hoặc tên chính)	Tên dùng trước khi có tên hiện nay
1			
2			
....			

Ngày tháng năm

....., ngày.....thángnăm

Người lập phiếu:

TM. UBND xã

Người kiểm tra

Chủ tịch (ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 11: Sơ đồ thuyết minh địa giới đơn vị hành chính

THÀNH HÓA

SƠ ĐỒ THUYẾT MINH ĐỊA GIỚI ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH XÃ

TỪ ĐIỂM ĐẶC TRƯNG SỐ ... ĐẾN MỐC



Thời gian hoàn thành tháng ... năm ...
 Người kiểm tra:

Tỷ lệ 1:

Sơ đồ được thành lập bằng phương pháp:
 Cơ quan thành lập:

Mẫu số 12: Biên bản xác nhận mô tả địa giới đơn vị hành chính cấp xã**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****BIÊN BẢN XÁC NHẬN MÔ TẢ ĐỊA GIỚI ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH**

Tuyên địa giới đơn vị hành chính giữa

Xã Tỉnh

Và

Xã Tỉnh

Chúng tôi gồm:

1. Ông (bà): Chức vụ: Chủ tịch UBND xã

2. Ông (bà): Chức vụ: Chủ tịch UBND xã

Với sự chứng kiến của các:

1. Ông (bà): Chức vụ:

2. Ông (bà): Chức vụ:

3. Ông (bà): Chức vụ:

4. Ông (bà): Chức vụ:

5. Ông (bà): Chức vụ: Tổ trưởng, đại diện đơn vị thi công.

Đơn vị thi công:

Sau khi đã cùng nhau xem xét trên bản đồ và đi khảo sát ở thực địa, đọc theo tuyến địa giới đơn vị hành chính, chúng tôi thống nhất xác nhận mô tả tuyến địa giới đơn vị hành chính giữa hai xã như sau:

Tuyến địa giới đơn vị hành chính giữa xã với xã, trùng với tuyến địa giới đơn vị hành chính giữa tỉnh với tỉnh (nếu có) nằm trên các mảnh bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ, được thành lập năm, có các phiên hiệu:

.....

Tuyến địa giới đơn vị hành chính khởi đầu từ ngã ba địa giới 3 xã:, được đánh dấu trên thực địa bằng mốc bê tông, theo hướng chính là hướng, đường địa giới chủ yếu đi theođến kết thúc tại ngã ba địa giới 3 xã:,

được đánh dấu trên thực địa bằng mốc bê tông(mốc cắm tại, cách ngã ba địa giới m về phía).

Tổng chiều dài của tuyến địa giới đơn vị hành chính là m, gồm mốc địa giới, điểm đặc trưng, chia làm đoạn; chiều dài các đoạn đo và được mô tả cụ thể như sau:

Đoạn 1: Khởi đầu từ ngã ba địa giới 3 xã:....., theo hướng Đông - Đông bắc, đường địa giới đi, đến điểm đặc trưng số Đoạn địa giới này dàim.

.....

Đoạn ...: Từ điểm đặc trưng số ..., theo hướng, đường địa giới đi, đến kết thúc tại ngã ba địa giới 3 xã:được đánh dấu trên thực địa bằng mốc bê tông (mốc cắm tại, cách ngã ba địa giớim về phía). Đoạn địa giới này dàim.

Chúng tôi cam đoan những vấn đề nêu trên là đúng với thực địa, phù hợp với bản đồ địa giới đơn vị hành chính, biên bản này có giá trị pháp lý trong công tác quản lý nhà nước đối với các cấp chính quyền từ nay về sau.

Biên bản này làm thành 08 bản có nội dung như nhau. Mỗi Ủy ban nhân dân xã giữ 04 bản để đưa vào Hồ sơ địa giới đơn vị hành chính xã của mình.

Biên bản làm tại xã, ngày ... tháng ... năm

TM. UBND xã

Chủ tịch (ký tên, đóng dấu)

TM. UBND xã

Chủ tịch (ký tên, đóng dấu)

Người chứng kiến

Đại diện

Đơn vị thi công

(ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện

Sở Nội vụ

(ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 13: Bản xác nhận mô tả địa giới đơn vị hành chính cấp tỉnh**BẢN XÁC NHẬN MÔ TẢ ĐỊA GIỚI ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH**

Tuyến địa giới đơn vị hành chính giữa

Tỉnh

Và tỉnh

Tuyến địa giới đơn vị hành chính giữa tỉnh và tỉnh nằm trên mảnh bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ , được thành lập năm, có các phiên hiệu:

Tuyến địa giới đơn vị hành chính khởi đầu từ ngã ba địa giới 3 tỉnh: tỉnh, tỉnh và tỉnh (đỉnh núi), được đánh dấu trên bản đồ bằng điểm đặc trưng có ký hiệu: (.....). Hướng chung của đường địa giới là hướng, đường địa giới đi theo sông núi và kết thúc tại ngã ba địa giới 3 tỉnh: tỉnh, tỉnh và tỉnh (đỉnh cao), được đánh dấu trên bản đồ bằng điểm đặc trưng có ký hiệu: (.....).

Tổng chiều dài toàn tuyến là m. Trên tuyến địa giới đơn vị hành chính này không chôn mốc, gồm có điểm đặc trưng, chia thành đoạn và được mô tả cụ thể như sau:

Đoạn 1: Khởi đầu từ ngã ba địa giới giữa 3 tỉnh: tỉnh, tỉnh và tỉnh (đỉnh núi), được đánh dấu trên bản đồ bằng điểm đặc trưng có ký hiệu: (.....), theo hướng, đường địa giới đi theo sông núi đến ngã ba địa giới giữa ba tỉnh: tỉnh, tỉnh và tỉnh(đỉnh cao), được đánh dấu trên bản đồ bằng điểm đặc trưng có ký hiệu: (.....). Đoạn địa giới này dài m. Đây chính là tuyến địa giới giữa tỉnh và tỉnh

Đoạn: Từ ngã ba địa giới giữa 3 tỉnh: tỉnh, tỉnh và tỉnh (đỉnh núi), được đánh dấu trên bản đồ bằng điểm đặc trưng có ký hiệu: (.....), theo hướng rồi chuyển hướng, đường địa giới đi theo sông núi đến kết thúc tại ngã ba địa giới 3 tỉnh: tỉnh, tỉnh và tỉnh (đỉnh cao), được đánh dấu trên bản đồ bằng điểm đặc trưng có ký hiệu: (.....). Đoạn địa giới này dài m. Đây chính là tuyến địa giới giữa tỉnh và tỉnh

Bản xác nhận mô tả tuyến địa giới đơn vị hành chính này được lập trên cơ sở các biên bản xác nhận mô tả tuyến địa giới đơn vị hành giữa các xã có đường địa giới đơn vị hành chính trùng lên đường địa giới đơn vị hành của hai tỉnh.

Bản xác nhận mô tả này được làm thành 08 bản có nội dung và giá trị như nhau. Mỗi Ủy ban nhân dân tỉnh giữ 04 bản để đưa vào hồ sơ địa giới đơn vị hành chính tỉnh của mình.

Ngày ... tháng ... năm

TM. UBND tỉnh

Chủ tịch (*ký tên, đóng dấu*)

Ngày ... tháng năm

TM. UBND tỉnh

Chủ tịch (*ký tên, đóng dấu*)

Mẫu số 14a: Mô tả tình hình chung về địa giới đơn vị hành chính cấp xã**MÔ TẢ TÌNH HÌNH CHUNG VỀ ĐỊA GIỚI ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH**

Xã Tỉnh

Xã, tỉnh được thành lập theo Nghị quyết số /
/..... ngày/...../..... của trên cơ sở, có vị trí
địa lý nằm ở phía của tỉnh

Phía giáp với xã, tỉnh

Phía giáp với xã, tỉnh

Phía giáp với xã, tỉnh

Tổng chiều dài toàn tuyến là m, trong đó:

Với xã, dàim

Với xã, dàim

Với xã, dàim

Đường địa giới đơn vị hành chính chủ yếu đi theo
Gồm mốc địa giới đơn vị hành chính.

Trong đó: - Mốc ba mặt:

- Mốc hai mặt:

Các tuyến địa giới đã được Ủy ban nhân dân xã và các xã liên
quan xác nhận trên thực địa, lập biên bản xác nhận mô tả tuyến địa giới đơn vị
hành chính; cắm mốc địa giới đơn vị hành chính và lập bản xác nhận sơ đồ vị trí
mốc địa giới đơn vị hành chính, lập bản đồ địa giới đơn vị hành chính.

Các mốc địa giới đơn vị hành chính được đo tọa độ và độ cao bằng công
nghệ GNSS, ngã ba địa giới và điểm đặc trưng được đo tọa độ trên dữ liệu bản
đồ địa hình quốc gia tỷ lệ và thống kê theo bảng riêng.

....., ngày tháng năm , ngày.....thángnăm

Người lập:

TM. UBND xã

Người kiểm tra:

Chủ tịch (ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 14b: Mô tả tình hình chung về địa giới đơn vị hành chính cấp tỉnh**MÔ TẢ TÌNH HÌNH CHUNG VỀ ĐỊA GIỚI ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH**

Tỉnh

Dân số: người

Tổng số hộ: hộ

Diện tích tự nhiên: ha

Tỉnh có diện tích tự nhiên là ... ha, có đơn vị hành chính cấp xã.

Đường địa giới đơn vị hành chính của tỉnh dài km, trên thực địa chủ yếu đi và tiếp giáp với các tỉnh, nước..... cụ thể như sau:

- Phía Bắc giáp nướcđoạn quốc giới dàikm.
- Phía Đông giáp tỉnh, tuyến địa giới đơn vị hành chính dài..... km.

.....

Trên đường địa giới đơn vị hành chính các cấp của tỉnh đã cắm mốc. Trong đó cấp tỉnh là mốc và cấp xã mốc.

Trên địa bàn cả tỉnh có tuyến địa giới đơn vị hành chính cấp xã, dài km, cóxã (phường, đặc khu) giáp với nước và cóxã (phường, đặc khu) giáp với biểnTrên đường địa giới đơn vị hành chính cấp tỉnh có tuyến địa giới đơn vị hành chính cấp xã đi trùng lên.

Bản đồ địa giới đơn vị hành chính cấp xã được thành lập năm trên nền bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ và đã làm đầy đủ cho..... xã (phường, đặc khu).

Bản đồ địa giới đơn vị hành chính của tỉnh thành lập trên nền bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ, bằng phương pháp từ các bộ bản đồ địa giới đơn vị hành chính của cấp xã. Bản đồ địa giới đơn vị hành chính cấp tỉnh gồm mảnh, có phiên hiệu: và được đóng thành tập.

Các mốc địa giới đơn vị hành chính, các tuyến địa giới đơn vị hành chính trên địa bàn toàn tỉnh đã được Ủy ban nhân dân cấp xã, cấp tỉnh có liên quan xác định tại thực địa, cắm mốc địa giới đơn vị hành chính, lập bản xác nhận sơ đồ vị trí mốc địa giới đơn vị hành chính, lập biên bản xác nhận mô tả địa giới đơn vị

hành chính, đã được thể hiện trên bản đồ địa giới đơn vị hành chính các cấp, có xác nhận, chứng thực theo quy định.

....., ngày tháng năm

....., ngày.....thángnăm

Người lập:

TM. UBND tỉnh

Người kiểm tra:

Chủ tịch *(ký tên, đóng dấu)*

Mẫu số 15a: Bản thống kê Danh mục các tài liệu trong hồ sơ địa giới đơn vị hành chính cấp xã

BẢN THỐNG KÊ DANH MỤC CÁC TÀI LIỆU

1. Bản sao các văn bản pháp lý ...	Số lượng ... bản	Từ trangđến trang
2. Bản xác nhận sơ đồ vị trí mốc địa giới đơn vị hành chính	Số lượng ... bản	Từ trangđến trang
3. Bảng xác nhận tọa độ các mốc địa giới đơn vị hành chính	Số lượng ... bản	Từ trangđến trang
4. Bảng tọa độ các điểm đặc trưng trên đường địa giới đơn vị hành chính	Số lượng ... bản	Từ trangđến trang
5. Mô tả tình hình chung về địa giới đơn vị hành chính	Số lượng ... bản	Từ trangđến trang
6. Biên bản xác nhận mô tả đường địa giới đơn vị hành chính	Số lượng ... bản	Từ trangđến trang
7. Phiếu thống kê địa danh dân cư	Số lượng ... bản	Từ trangđến trang
8. Phiếu thống kê địa danh thủy văn	Số lượng ... bản	Từ trangđến trang
9. Phiếu thống kê địa danh sơn văn	Số lượng ... bản	Từ trangđến trang
10. Biên bản bàn giao mốc địa giới đơn vị hành chính	Số lượng ... bản	Từ trangđến trang
11. Tập bản đồ địa giới đơn vị hành chính	Số lượngmảnh	
12. Các tài liệu khác liên quan (nếu có):	Số lượng.....	

Mẫu số 15b: Bản thống kê Danh mục các tài liệu trong hồ sơ địa giới đơn vị hành chính cấp tỉnh

BẢN THỐNG KÊ DANH MỤC CÁC TÀI LIỆU

1. Bản sao các văn bản pháp lý Số lượng ... bản Từ trangđến trang
2. Bản xác nhận sơ đồ vị trí mốc địa giới Số lượng ... bản Từ trangđến trang
đơn vị hành chính
3. Bảng tọa độ các mốc và các điểm đặc Số lượng ... bản Từ trangđến trang
trung trên đường địa giới đơn vị hành
chính
4. Mô tả tình hình chung về địa giới đơn vị Số lượng ... bản Từ trangđến trang
hành chính
5. Bản xác nhận mô tả đường địa giới Số lượng ... bản Từ trangđến trang
đơn vị hành chính
6. Tập bản đồ địa giới đơn vị hành chính Số lượngmảnh

Mẫu số 16a: Mẫu bìa hồ sơ địa giới đơn vị hành chính cấp xã

VnArialH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM



VnArialH

HỒ SƠ

VnArialH

ĐỊA GIỚI ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

XÃ

TỈNH

VnArialH

NĂM

Nền bìa màu đỏ cờ,
chữ trên bìa màu vàng

2cm

0.5cm

7cm

1cm

0.8cm

0.8cm

2.2cm

0.6cm

0.8cm

0.6cm

10.6cm

0.5cm

2.3cm

Mẫu số 16b: Mẫu bìa hồ sơ địa giới đơn vị hành chính cấp tỉnh

VnArialH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

2cm

0.5cm

7cm



VnArialH

HỒ SƠ

1cm

0.8cm

VnArialH

ĐỊA GIỚI ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

0.8cm

2.2cm

TỈNH

0.6cm

VnArialH

12cm

Nền bìa màu đỏ cờ,
chữ trên bìa màu vàng

NĂM 0.5cm

Mẫu số 17a: Mẫu bìa tập bản đồ địa giới đơn vị hành chính cấp xã

(VHtlmeb - cao 10 mm) CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

(130 mm)

(VHarialb - cao 14 mm) 25 mm **BẢN ĐỒ**
ĐỊA GIỚI ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

(130 mm)

(cao 10 mm) **XÃ:** (cao 40 mm)
40 mm
(cao 10 mm) **TỈNH:** (TÊN TỈNH)

(100 mm)

(Vnarialb - cao 4 mm) **SƠ ĐỒ CHIA MẢNH**

SỐ 1	SỐ 2	SỐ 3
SỐ 4	SỐ 5	SỐ 6

Tập bản đồ gồm ... mảnh
Hoàn thành ngày ... tháng ... năm ... (Vnarialb - cao 3 mm)
TM. UBND ...

Mẫu số 17b: Mẫu bì tập bản đồ địa giới đơn vị hành chính cấp tỉnh

(VHtmeb - cao 10 mm) **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

(130 mm)

(VHarlab - cao 14 mm) **BẢN ĐỒ**
25 mm **ĐỊA GIỚI ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH**

(130 mm)

(cao 10 mm) **TỈNH:** **(TÊN TỈNH)** (cao 40 mm)

(100 mm)

(Vnarlab - cao 4 mm) **SƠ ĐỒ CHIA MẢNH**

SỐ 1	SỐ 2	SỐ 3
SỐ 4	SỐ 5	SỐ 6
SỐ 7	SỐ 8	SỐ 9

Tập bản đồ gồm — mảnh (Vnarlab
Hoàn thành ngày — tháng — năm — - cao 3 mm)
TM. UBND —

Mẫu số 18a: Phiếu ghi ý kiến kiểm tra

PHIẾU GHI Ý KIẾN KIỂM TRA

Tên thành quả:

Người sản xuất. Người kiểm tra.

Ngày kiểm tra

Số hiệu	Trang	Dòng	Nội dung kiểm tra	Ý kiến kiểm tra	Ý kiến Phúc tra	Tình hình sửa chữa

Người được kiểm tra

(ký và ghi rõ họ tên)

Người kiểm tra

(ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu số 18b: Biên bản kiểm tra chất lượng hồ sơ địa giới đơn vị hành chính

Tỉnh:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Xã:

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm

**BIÊN BẢN KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG HỒ SƠ
ĐỊA GIỚI ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH****TỈNH:****(Theo Dự án, Thiết kế KT-DT...)**

Phần Hồ sơ địa giới đơn vị hành chính cấp xã (cấp tỉnh)

Chúng tôi gồm:

1. Ông (bà). Chức vụ. Đại diện.
2. Ông (bà). Chức vụ. Đại diện.
3. Ông (bà). Chức vụ. Đại diện.

Có sự chứng kiến của

1. Ông (bà). Chức vụ. Đại diện.
2. Ông (bà). Chức vụ. Đại diện.
3. Ông (bà). Chức vụ. Đại diện.

Đã tiến hành kiểm tra chất lượng hồ sơ địa giới đơn vị hành chính cấp xã
(cấp tỉnh) do. thực hiện

Kết quả kiểm tra như sau

1. Tổ chức và phương pháp kiểm tra chất lượng sản phẩm: (nêu ngắn gọn về tổ chức và phương pháp đã tiến hành kiểm tra).
2. Tài liệu đã giao nộp để kiểm tra chất lượng sản phẩm (thống kê đầy đủ)
3. Kết quả kiểm tra chất lượng sản phẩm.

(Nêu trình tự kết quả chất lượng đối với từng loại hồ sơ)

A- Hồ sơ địa giới đơn vị hành chính cấp xã.

B- Hồ sơ địa giới đơn vị hành chính cấp tỉnh

Mỗi chủng loại công việc, mỗi loại tài liệu cần nêu rõ tổng khối lượng, số lượng đã kiểm tra trong phòng, ngoài thực địa, tỷ lệ kiểm tra, chất lượng đạt được.

Nhận xét và đánh giá

Nhận xét chung về kết quả kiểm tra chất lượng sản phẩm do đơn vị thi công thực hiện. Đánh giá cụ thể các hồ sơ nào đạt, mức độ; Hồ sơ nào không đạt, lý do. Kiến nghị biện pháp khắc phục cụ thể, khối lượng công việc đã hoàn thành.

Đại diện đơn vị thi công

(Ký tên, đóng dấu)

Đại diện cơ quan, đơn vị kiểm tra

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 18c: Bảng danh mục tài liệu đã kiểm tra**BẢNG DANH MỤC TÀI LIỆU ĐÃ KIỂM TRA**

(Kèm theo biên bản kiểm tra chất lượng..., ngày....tháng.....năm.....)

Hồ sơ địa giới đơn vị hành chính

STT	Loại sản phẩm	Đơn vị	Hình thức và khối lượng kiểm tra	Phân loại	Thời gian kiểm tra	Ghi chú

....., ngày ... tháng ... năm

Ý kiến người được kiểm tra

(Ghi rõ ý kiến đồng ý, không đồng ý)

(Ký ghi rõ họ tên)

....., ngày ... tháng ... năm

Người kiểm tra

(Ký ghi rõ họ tên)